CÁC CỔ-TÍCH

CHI TRONG BẢN-ĐỒ KINH-THÀNH HUẾ

(BẢN-ĐỒ NÀY TRÍCH TRONG TẠP-CHÍ BULLETIN DES AMIS DU VIEUX HUẾ 1933)

1 — Huyện-nha Hương-Trà cũ
2 — Sở Tế-Dưỡng
3 — Huyện-nha Hương-Trà lúc sau này
4 — Chợ Bao-Vinh
5 — Cầu xe lửa
6 — Cầu An-Hoà cũ
7 — Cầu Tịnh-Tế
7bis — Sông Hộ-Thành
8 — Cầu Bao-Vinh
9 — Làng Tiên-Nộn
10 — Bảo-Xưởng
11 — Miếu Ngủ-Hành
12 — Bảo-Miếu
13 — Cửa Tây-Bắc
14 — Vòm lính
15 — Cửa Chánh-Bắc
16 — U-doi
17 — Kho thuốc súng
18 — Bến đò Nhà-Hồ
19 — Địa-phận phường Tây-Lộc
20 — Vệ Hữu-Bảo
21 — Hồ Hữu-Bảo
22 — Nhà ở của công-chức
23 — Vệ Tiền-Bảo
24 — Hồ Tiền-Bảo
25 — Vệ Tả-Bảo
26 — Hồ Tả-Bảo

27 — Địa phận phường Tây-Linh
28 — Vệ Trung-Bảo
29 — Vệ Hậu-Bảo
30 — Hồ Hậu-Bảo
31 — Lao Cấm-Cố
32 — Cửa Trấn-Bình
33 — Cống để cho nước trong Mang-Cá thoát ra ngoài
34 — Nhà Hội-Đồng
35 — Hồ Trấn-Bình-Đài (*tức hồ Mang-cá*)
36 — Sở Đảo-Dược
37 — Cửa Trường-Định
38 — Đài Trấn-Bình
39 — Khám-Đường
40 — Hồ Khám-Đường (*tức gọi Hồ-Khám*)
41 — Tây-Hồ
42 — Đoài-Hồ (*hay Hồ-Đoài*)
43 — Phương-Hồ (*tức gọi Hồ-Vuông*)
44 — Miếu Hội-Đồng (*của làng Phú-Xuân*)
45 Giám-Điền (*cũng gọi là Hiếu-Điền, ruộng của chùa Từ-Hiếu*)
46 — Tự-Hồ (*tục gọi Hồ-Chùa*)
47 — Trường-Thi
48 — Dinh Kỳ-Võ
49 — Hồ Kỳ-Võ
50 — Xưởng Tuyền-Phong
51 — Đò ba bến
52 — Cầu Cửu-Lợi (*mất tích từ lâu*)
53 — Hồ-Vòm
54 — Quán Linh-Hựu
55 — Tượng-Cuộc
56 — Lại-Bái-Tượng
57 — Chợ Mới
58 — Trại lính thuộc quyền Phủ-Doãn phủ Thừa-Thiên
59 — Phủ-Đường Thừa-Thiên
60 — Cửa Chánh-Tây
61 — Hùng-Nhuệ Tả-Vệ

62 — Hùng-Nhuệ Tiền-Vệ
63 — Hùng-Nhuệ Trung-Vệ
64 — Hồ Hùng-Nhuệ
65 — Ruộng làng Phú-Xuân
66 — Vệ Tuyền-Phong
67 — Miếu Thổ Thần *(của phường Tây-Lộc)*
68 — Hồ Mộc-Đức
69 — Đàn Âm-Hồn *(của làng Phú Xuân)*
70 — Đình làng Phú-Xuân
71 — Tịch-Điền
72 — Cửa vào Tịch-Điền
73 — Nhà thờ ông Nguyễn-Thạnh
74 — Miếu Ngũ-Hành *(của làng Phú-Xuân)*
75 — Cầu nhỏ bắc qua mương dẫn nước vào Tịnh-Điền
76 — Cầu Bác-Tế
77 — Sông Ngự-Hà
78 — Chánh Thương-Trường
79 — Cầu Ngự-Hà *(tục gọi Cầu-Kho)*
80 — Bia của cầu Ngự-Hà
81 — Công Quán
82 — Hộ Giám-Thành
83 — Nha Giám-thành
84 — Cửa Đông-Bắc *(tục gọi của Kẻ-Trài*
85 Cầu Đông-Hội *(tục gọi cầu Kẻ-Trài mất tích từ lâu)*
86 — Xưởng Túc-Vệ
87 — Hùng-Nhuệ Hữu-Vệ
88 — Hùng-Nhuệ Hậu-Vệ
89 — Hồ-Oai Trung-Vệ
90 — Trường-Thi
90 bis — Dinh của Thống-Chưởng các Vệ Hùng-Nhuệ và Hồ-Oai
90 ter — Sở Tế-Sanh cũ
91 — Võ-Trường *(của các Vệ Hùng-Nhuệ và Hồ-Oai)*
91 bis — Trường dạy võ hay diễn võ của Vệ Hùng-Nhuệ
92 — Hồ Thanh-Ninh
93 — Vườn Thường-Mậu

94 — Cung Bảo-Định
94 bis — Lộc-Hựu
94 ter — Cung Khánh-Ninh
95 — Miếu Ngũ-Hành (*của phường Tây -Lộc*)
95 bis — Vườn Vĩnh-Trạch
96 — Kho-Tiền
96 bis — Cửa phía sau và bên hữu Kinh-Thương
97 — Võ-Khố
98 — Cửa phía sau và bên tả Kinh-Thương
99 — Kinh-Thương (*tục gọi Kho*)
100 — Miếu Kinh-Thương
101 — Cửa Đông-Hi
102 — Cửa bên tả Kinh-Thương
103 — Cửa bên tả Tịnh-Tâm
104 — Miếu Tịnh-Tâm
105 — Cửa Thu-Nguyệt
106 — Cửa Xuân-Quang
107 — Đảo Phương-Trượng
108 — Đảo Bồng-Lai
109 — Đảo Doanh-Châu
110 — Cửa Hạ-Huân
111 — Cửa Nam-Huân
112 — Vườn Thường-Thanh
113 — Lâu Tàng-Thơ
114 — Kho Hỏa-dược Diêm-tiêu
115 — Hồ Học-Hải
116 — Cống của hồ Học-Hải
117 — Hồ Tiên-Y
118 — Nhà thờ Tiên-Y
119 — Long-Võ Hậu-Vệ
120 — Long-Võ Hữu-Vệ
121 — Cửa bên hữu và bên tả Đông-Thành Thủy-Quan
122 — Đông-Thành Thủy-Quan
123 — Cầu Hám-Tế
124 — Cầu Thế-Lại (*cũng gọi cầu Kẻ-Trài*)

125 — Địa-phận phường Vĩnh-An
126 — Sở Tế-Sanh
127 — Hồ Tế-Sanh
128 — Long-Võ Trung-Vệ
129 — Cầu Hoàng-Tế
130 — Tây-Thành Thủy-Quan
131 — Địa-phận phường Tri.Vụ
132 — Viện Đô-Sát cũ
133 — Chợ Phiên
134 — Miếu Thổ-Thần của phường Tri-Vụ
135 — Trường diễn võ của các Vệ Hổ-Oai
136 — Hổ-Oai Tiền-Vệ
137 — Chợ Cửa-Hữu
138 — Miếu Ngũ-Hành và Đàn Âm-Hồn của phường Tri-Vụ
139 — Tân-Miếu
140 — Phủ bà Chúa Nam
141 — Vườn Phong-Trạch
142 — Hồ bà Chúa Nam
143 — Dinh của Thống-Chưởng của các Vệ Võ-Lâm
144 — Cầu Vĩnh-Lợi
145 — Bình-Kiều
146 — Miếu Ngũ-Hành và Đàn Âm-Hồn của phường Huệ-An
147 — Vườn Thư-Quang
148, 149 — Cống-Sấu
150 — Cầu Khánh-Ninh
151 — Ngự-Lộ
152 — Địa-phận phường Huệ-An
153 — Ngự-Mã-Khái
154 — Tương truyền xưa chỗ nầy có 1 cái dinh để vua ngự lãm các cuộc thao-diễn kỵ-binh
155 — Hậu-Bổ
155 bis — Miếu thờ hai vị Thạch-Thần Tướng-Quân là Lê-văn-Duyệt và Nguyễn-văn-Thành
156 — Địa phận phường Trung-Hậu
157 — Đội Dực-Võ

158 — Đội Dực-Chấn
159 — Viện Cung-Giám
160 — Viện Đô-Sát
161 — Quốc-Sử-Quán
162 — Nha Hộ-Thành
168 — Phủ của ông Hoàng Cầm-Giang *(con trai thứ 59 của vua Minh-Mạng)*
164 — Nhà Bình-An
165 — Trường Anh-Giáo
166 — Hồ rau phường Phú-Văn
167 — Hoàng Công Phủ-Đệ
167bis- Địa-phận phường Phú-Nhơn
168 — Nhà riêng của ông Đông-Các Trương-đăng-Đản
169 — Nhà riêng của ông Văn Minh Trương-như-Cương
170 — Đàn Âm.Hồn của phường Phú-Nhơn
171 — Phủ của vua Tự-Đức lúc còn tiềm-đế
172 — Phủ củ của Thái-Quốc-Công *(con trưởng-vua Thiệu-Trị)*
173 — Hũ sen hay hồ Cây-Mưng
174 — Dinh nhà thờ của phương Vĩnh-An
175 — Đàn Âm-Hồn của Phường Vĩnh-An
176 — Hồ Long-Võ
177 — Long-Võ Tả-Vệ
178 — Hồ Hoả-Pháo
179 — Ty Hoả-Pháo
180 — Đình Thần Võ-Trường
181 — Long-Võ Tiền-Vệ
182 — Long Võ Tiền-Hồ
183 — Dinh Tiền-Phong
184 — Cửa Chánh-Đông
185 — Địa phận phường Thái-Trạch
186 — Chợ Qui Giả
187 — Tượng-Độ *(tục gọi Bến-Tượng)*
188 — Cầu Đông-Ba
189 — Đò Kẻ-Vạn
190 — Cửa Tây-Nam
191 — Địa-phận phường Thuận-Cát

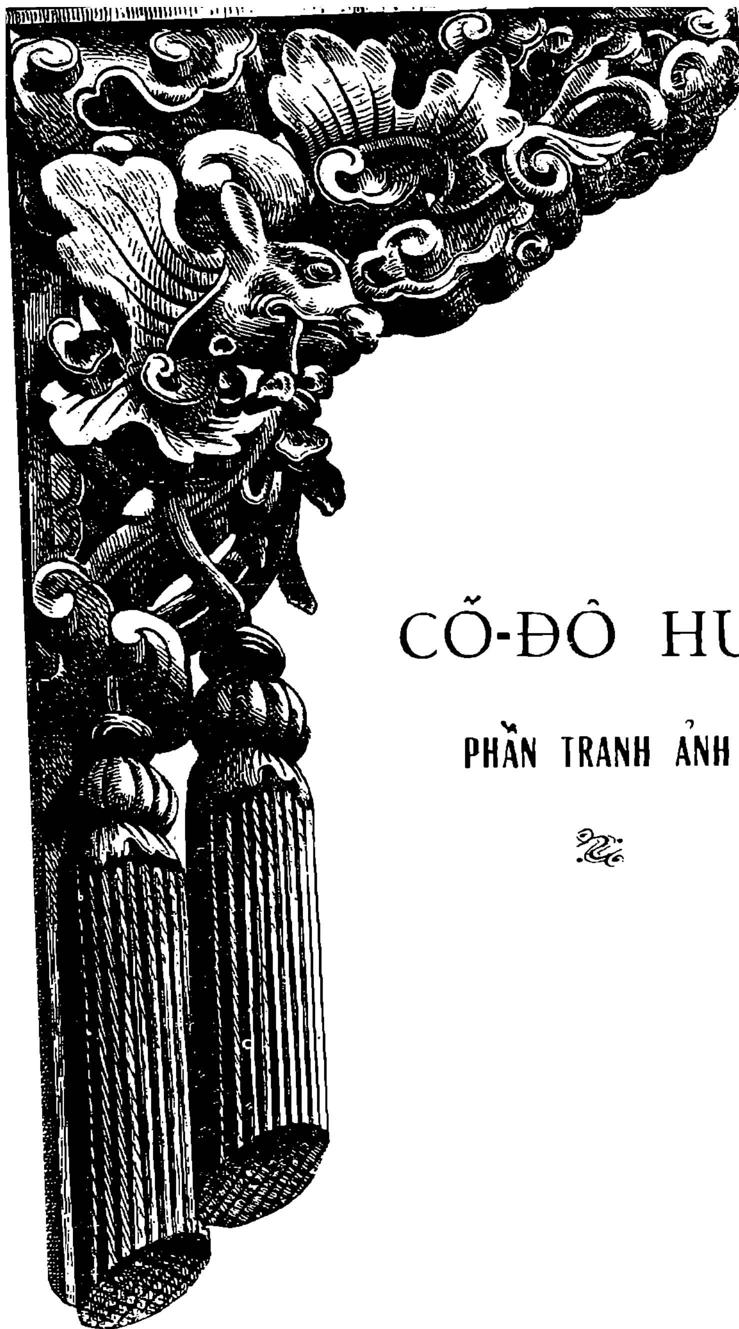
192 — Hồ-Oai Tả-Vệ
193 — Hồ-Oai Hậu-Vệ
193 bis Hồ-Oai Hữu-Vệ
194 — Hồ Xả-Tắc
195 — Đàn Xả-Tắc
196 — Dinh của Chưởng-Vệ các vệ Hồ-Oai
197 — Phủ của ông Hoàng Kiến-Hòa *(con trai thứ 71 của vua Minh-Mạng)*
198 — Hồ-Lấp
199 — Miếu Đô-Thành-Hoàng
200 — Phủ các công-chúa trước khi xuất giá
201 — Đàn Âm-Hồn và miếu thờ Thổ-Thần của phường Thuận-Cát
202 — Trường Võ-Sanh
203 — Chợ Cầu-Đất
204 — Dinh của Thống-Chưởng các vệ Túc-Vệ và Thần-Cơ
205 — Thần-Cơ Trung-Vệ
206 — Bốn Vệ Võ-Lâm Hữu-Dực
207 — Vệ thứ 5 Võ-Lâm Hữu-Dực
208 — Năm-Vệ Võ-Lâm Tả-Dực
209 — Thần-cơ Trung-Vệ
210 — Địa phận phường Trung-Tích
211 — Tả, Hữu-Thị-Lang Bộ Lại
212 — Tả, Hữu Tham-Tri Bộ Lại
213 — Lại Bộ Đường
214 — Tả, Hữu Thị Lang Bộ Hộ
215 — Tả, Hữu Tham-Tri Bộ Hộ
216 — Hộ-Bộ Đường
217 — Tả, Hữu Thị-Lang Bộ Lễ
218 — Tả, Hữu Tham-Tri Bộ Lễ
219 — Lễ-Bộ Đường
220 — Tả, Hữu Thị-Lang Bộ Binh
221 — Tả, Hữu Tham-Tri Bộ Binh
222 — Binh-Bộ Đường
223 — Tả, Hữu Thị-Lang Bộ Hình
224 — Tả, Hữu Tham-Tri Bộ-Hình
225 — Hình-Bộ Đường

226 — Tả, Hữu Thị-Lang Bộ Công
227 — Tả, Hữu Tham-Tri Bộ Công
228 — Công Bộ Đường
229 — Miếu Ngũ-Hành *(của phường Trung-Tích)*
230 — Sân Viện Cơ-Mật
231 — Phủ của vua Dục-Đức lúc còn tiềm-để, về sau dùng làm Bộ Học
231 bis — Phủ của vua Đồng-Khánh lúc còn tiềm-để, về sau dùng làm Khâm-Thiên-Giám
232 — Giảng-Đường của Viện Thái-Y
233 Kinh-Trạm
234 — Sở Mộc-Thương Đốc-Công
235 Miếu Thổ-Thần và Miếu Ngũ-Hành của phường Thái-Trạch
236 — Chợ Đông-Phước cũ
237 — Nhà Thương của Kinh-thành
238 — Vệ Dực-Hùng
239 — Dinh của phường Đệ-nhứt
240 — Nhà thờ Quan-Công
241 — Chùa Diệu-Đế
242 — Phủ Tôn-Nhơn
243 — Ba-Viên
244 Miếu Ngũ-Hành của phường Thái-Trạch
245 — Nhà lao Trấn-Vủ hay Trấn-Phủ
246 — Phong-cảnh Ba-Viên *(nay là Viện Tàng-Cổ* Khải-Định)
247 — Quảng-Thiện-Đường *(sau đổi làm Quốc-Tử-Giám)*
248 Chùa Giác-Hoàng
249 Ngoại-Từ-Đường *(hay là nhà thờ Đức-Quốc-Công thờ ông ngoại và bà ngoại vua Tự-Đức)*
250 — Cầu Lợi-Tế
251 Vườn Dũ-Giả *(tục gọi Giả-Viên)*
252 — Cầu xe lửa
253 — Đài Quang-Tượng *(tục gọi Nam-Đài)*
254 — Thần-Cơ Hữu-Vệ
255 — Thần-Cơ Hậu-Vệ
256 — Khâm-Thiên-Giám

257 — Sở Hỏa-Linh
258 — Nhà thương của quân-đội (*chỗ cũ*)
259 — Hồ Thành-Hoàng
260 — Hồ Hộ-Vệ
261 — Hòa Thanh-Thư (*chỗ của những nhạc-công trong Nội*)
262 – Ty Cuộc-Tượng
163 — Đò Trường-Súng
264 — Chợ Nhà-Đồ
265 — Thần-Cơ Tả-Vệ
266 — Miếu Thờ-Thần của phường Thuận-Cát
267 — Cửa Chánh-Nam
268 – Mộc-Thương (kho gỗ)
269 — Thần-Cơ Tiền-Vệ
270 — Đàn Âm-Hồn của phường Huệ-An
271 Kho-Mắm
272 — Ty Lý-Thiện
273 — Võ-trường của Túc-Vệ
274 — Túc-Vệ Hữu-Vệ
275 — Hữu Đại Tướng-Quân-Xưởng
(*nguyên 5 cỗ súng Thần-Công, Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ để ở đây*)
276 — Cửa Quảng-Đức
277 – Đình Nghinh-Lương (*nơi hóng mát của Hoàng Hậu*)
278 — Trường tập trận của quân đội
279 — Cửa Ngọ-Môn
280 — Kỳ-Đài
281 — Long-Thuyền Tả Hữu Vệ
282 — Lầu Phu-Văn
283 — Đình Nghinh-Lương (*tục gọi Lương-Tạ*)
284 — Sở Hoả-Linh
285 — Tả Đại-Tướng Qnân Xưởng (*nguyên 4 cỗ súng*)
Thần-Công : Xuân, Hạ, Thu, Đông, để ở đây
286 — Cửa Thể-Nhơn
287 — Trường học võ và diễn võ của các Vệ Võ-Lâm
288 — Ty Tam-Pháp
289 — Miếu thờ Thần

290 — Kinh Trạm củ
291 — Cửa Đông-Nam
292 — Đình Thương-Bạc
293 — Miếu Thượng-Tứ
294 — 295 — Viện Thượng Tứ
296 — Toà Thương-Bạc
297 — Nghĩa địa tạm thời của quân-đội
297 bis — Bến đò Trường-Tiền cũ
298 — Hoàng-Công Phủ
299 — Miếu Thổ-Thần và Ngủ-Hành của phường Thái-Trạch
300 — Trường tập voi
301 — Chợ Đông-Ba
302 — Cầu Gia-Hội
303 — Chợ Được
304 — Cồn Hến
305 — Tàu-Voi, Tàu Tượng (*chỗ củ*)
306 — Thủy-Sư
307 — Cồ-Lưu (*nhà kho của Thủy-Sư*)





CỐ-ĐÔ HUẾ

PHẦN TRANH ẢNH

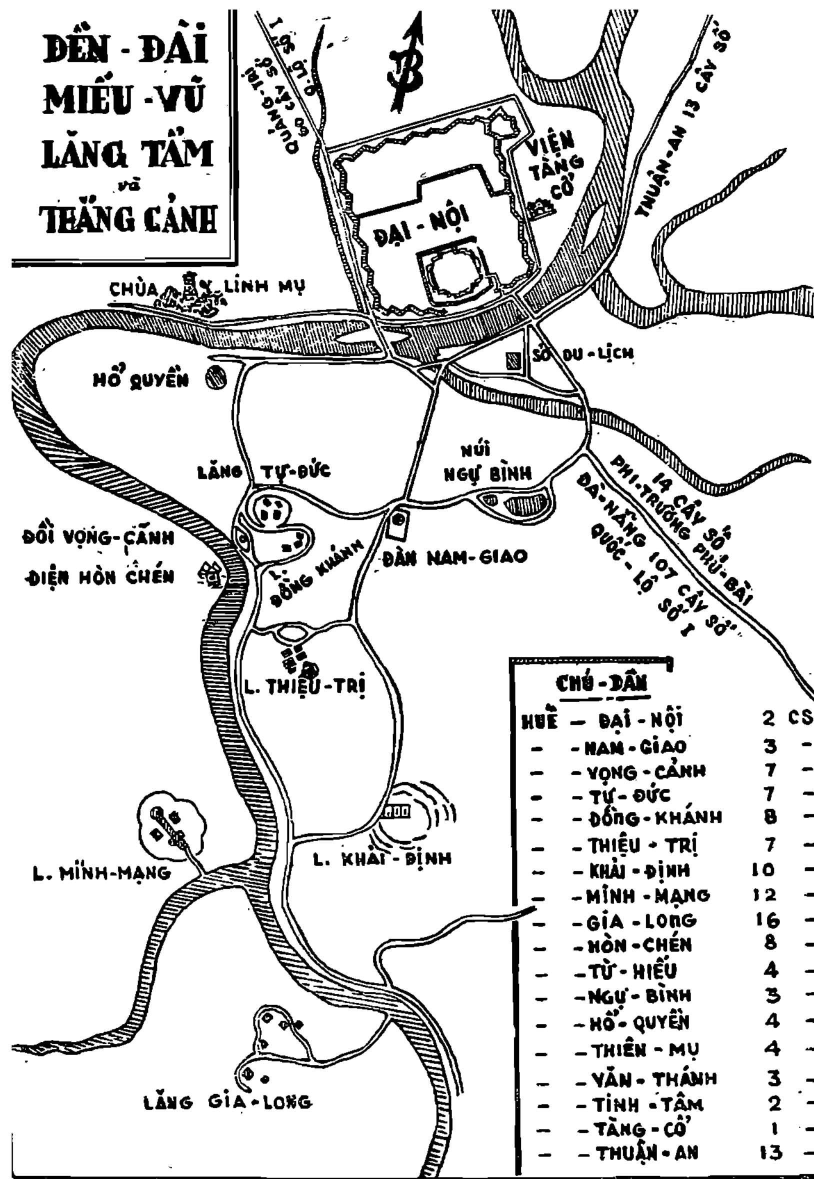




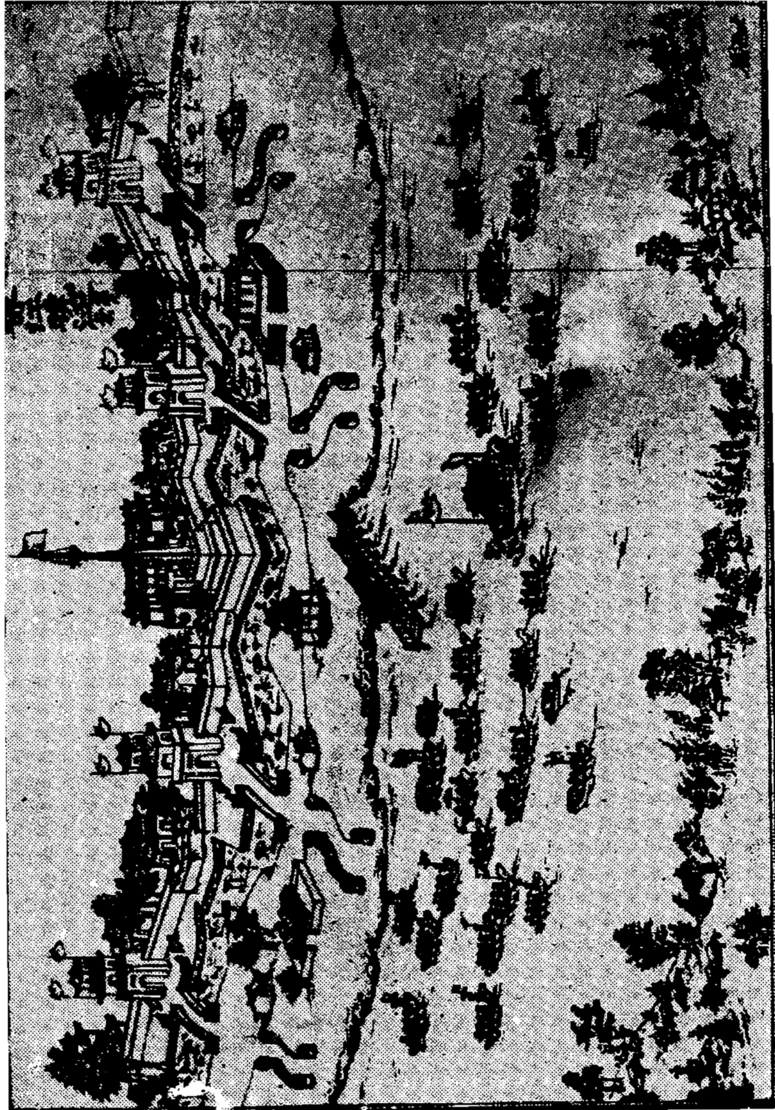
I.— Bản-đồ nước Nam của Linh-mục Alexandre de Rhodes minh-họa năm 1653, có ghi : « Provinces de Thoanoa, Quehoa, Langrau, Keday » ở nơi xứ Huế

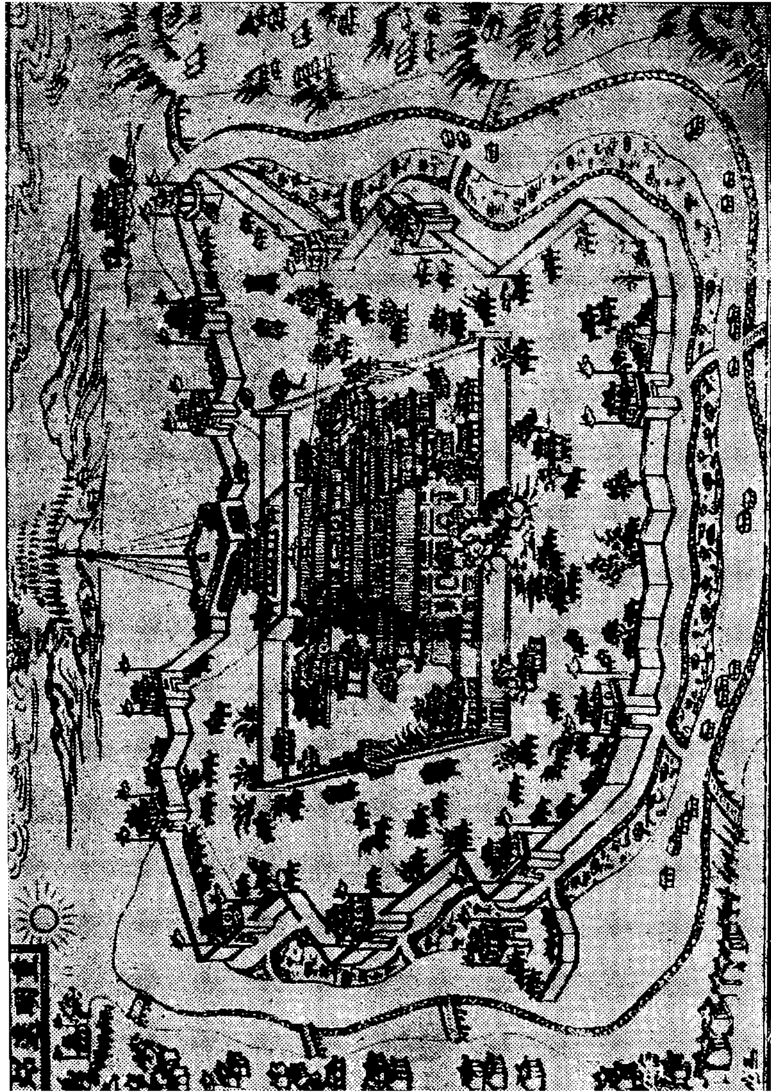
TỈNH THỪA - THIÊN

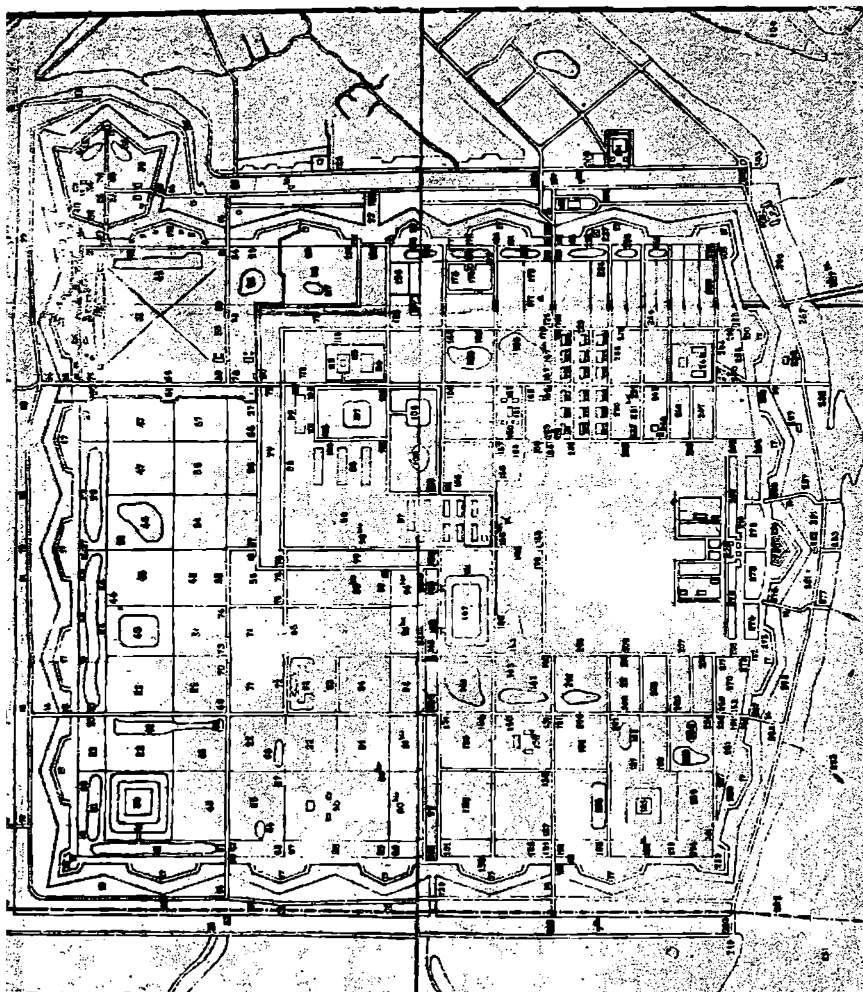
TỈNH QUẢNG-TRỊ
HUYỆN PHONG-ĐIỀN
PHÁ TAM-GIANG
ĐẬP THUẬN - AN
BIỂN
NAM - HẢI
HUYỆN Q. ĐIỀN
HUYỆN PHÚ - VANG
H. HƯƠNG-TRÀ
VĂN-MIẾU
SÔNG HƯƠNG
H. HƯƠNG - THỦY
SÂN BAY PHÚ-BÀI
SUỐI NƯỚC NÓNG
H. PHÚ - LỘC
CHÙA TÚY VÂN
TỈNH QUẢNG-NAM



3.— Bản-đồ Đền-đài, miếu-vũ, lăng-tẩm và thắng-cảnh ở Huế.

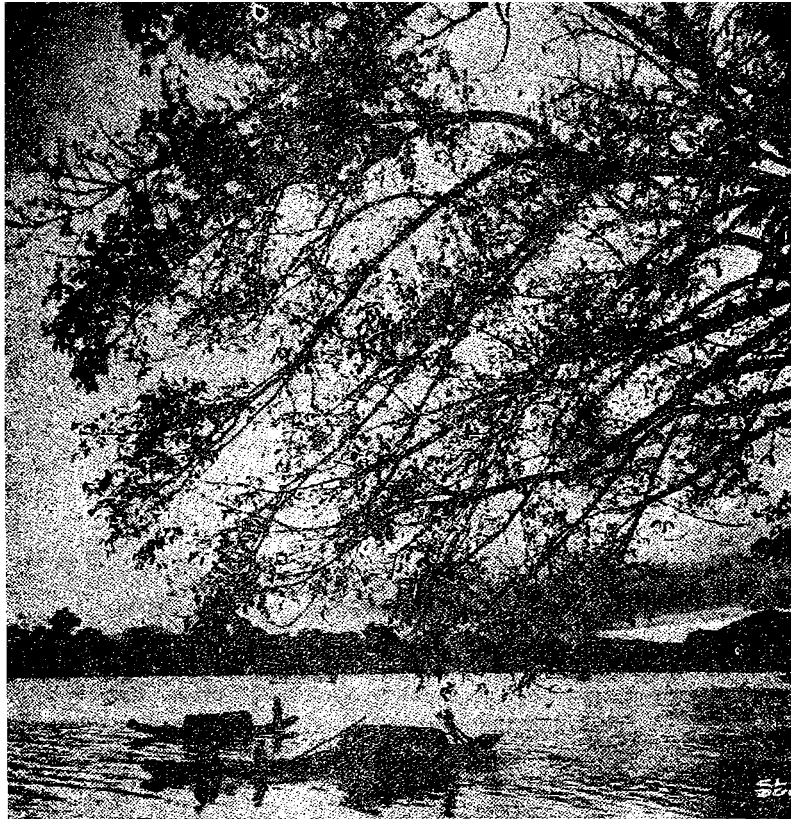






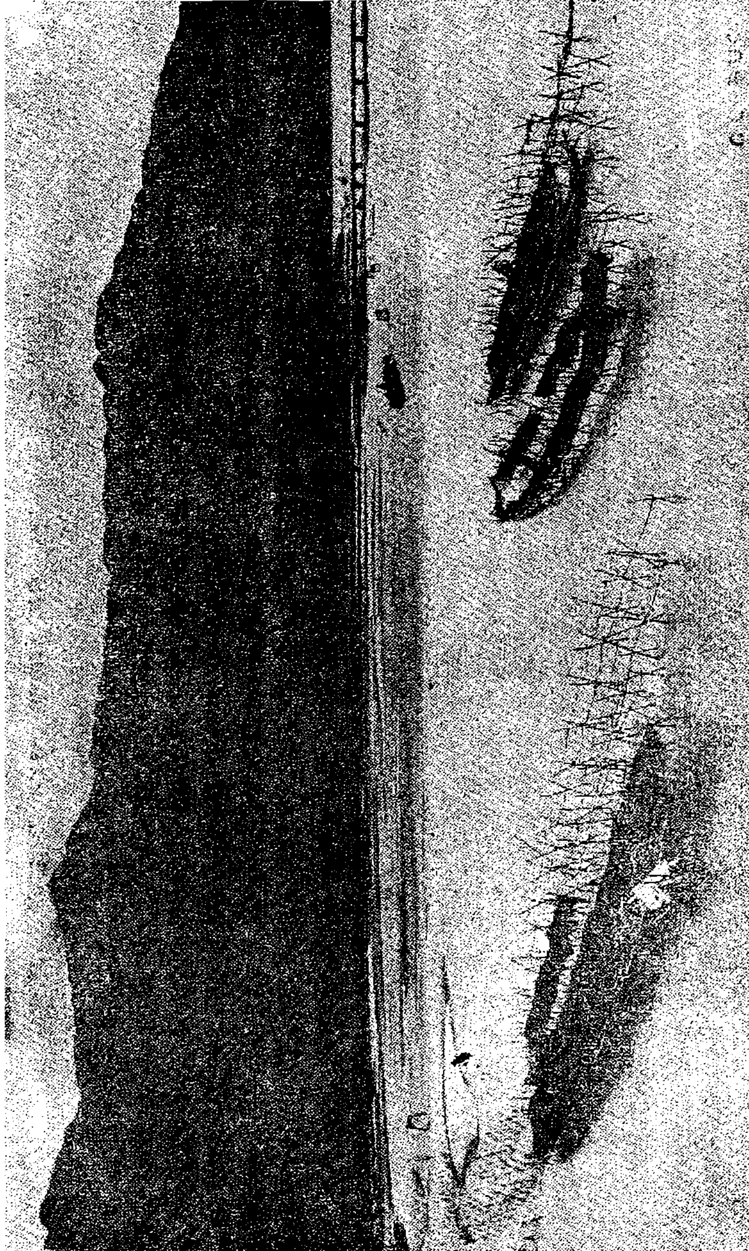
6.— Bản-đồ Kinh-Thành Huế.

(Có ghi chữ số vị-trí để đối-chiếu với danh-sách cổ-tích)



7. — Trên sông Hương

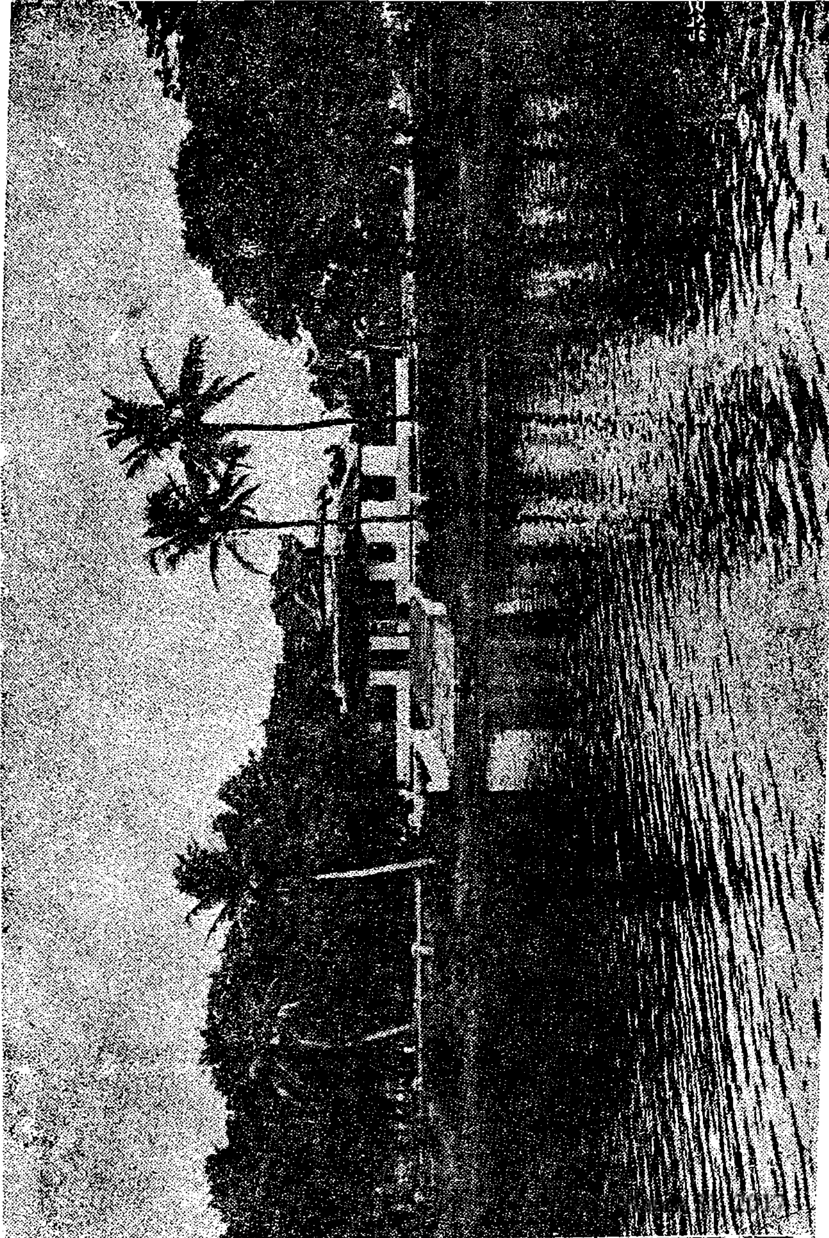
Thuyền ai lấp-ló bên sông,
Nghe câu mái đẩy chạnh lòng nước non.

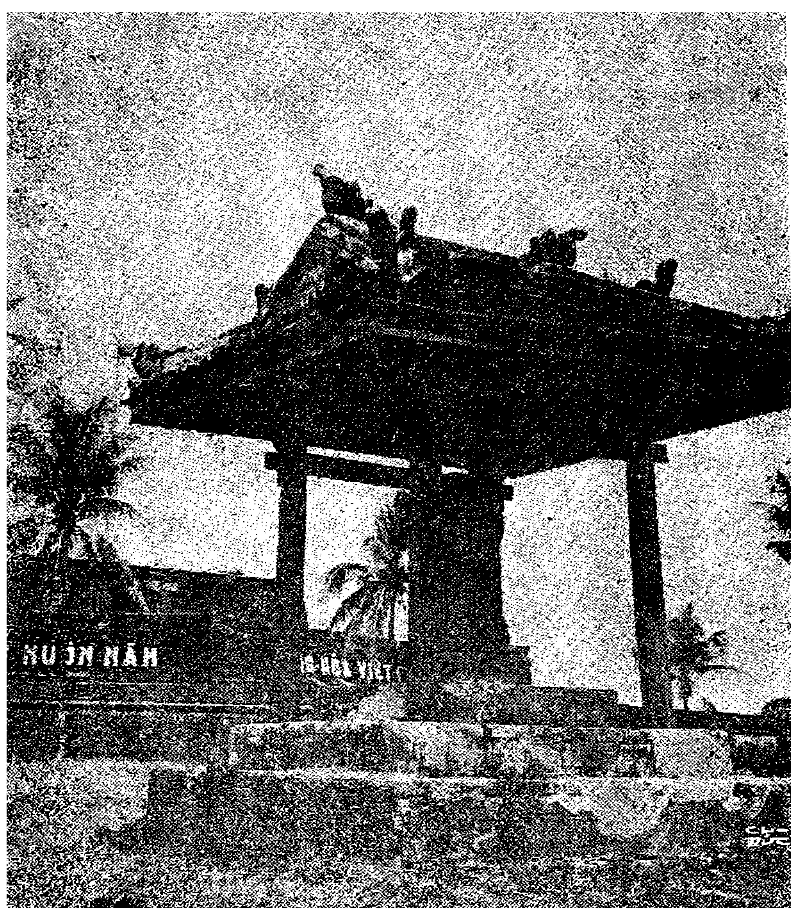




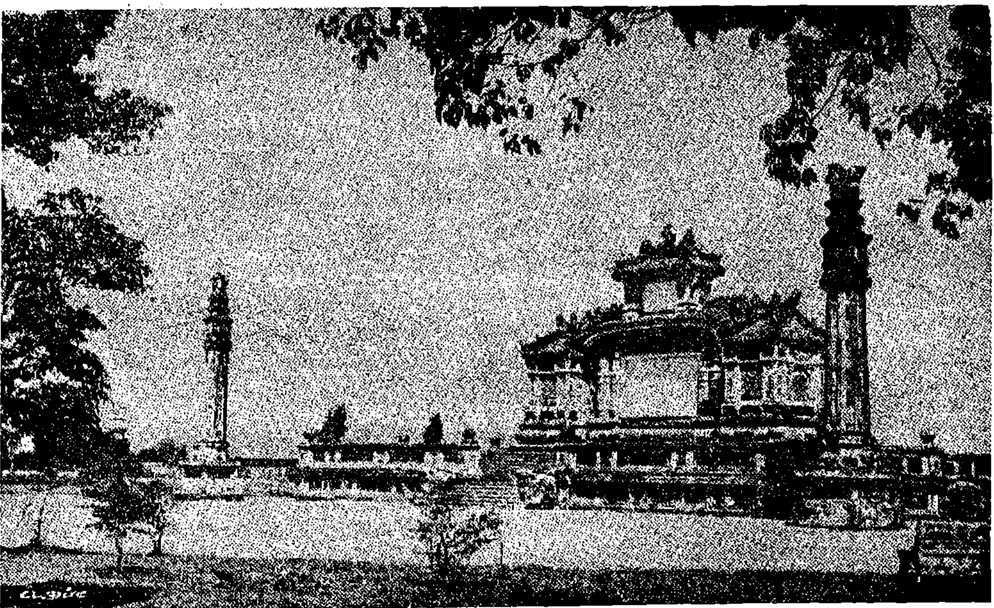
9. — Cầu Trường-Tiền

Cầu Trường-Tiền sáu vài, mười hai nhịp.
Em qua không kịp tội lắm anh ơi?

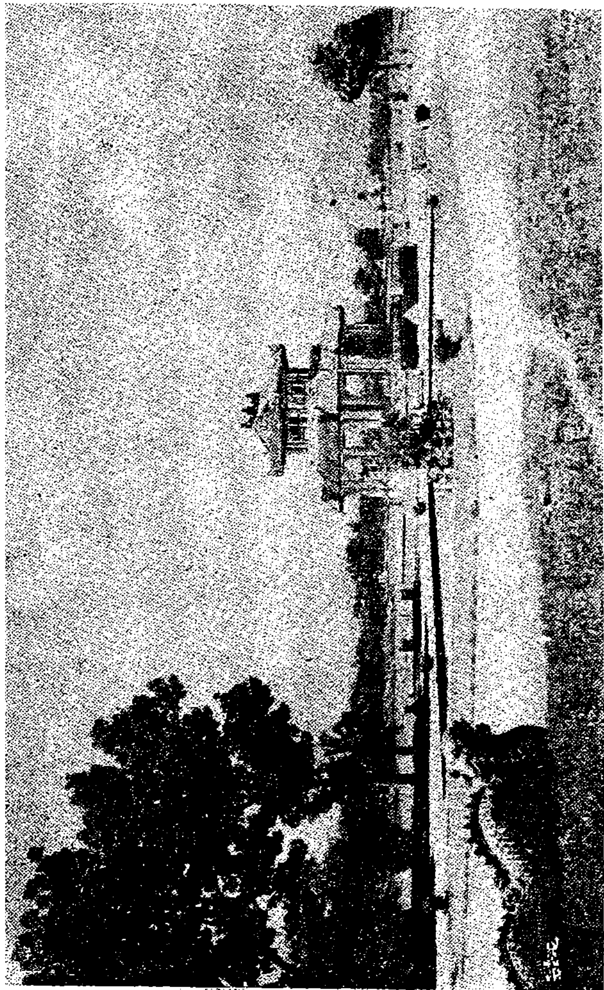


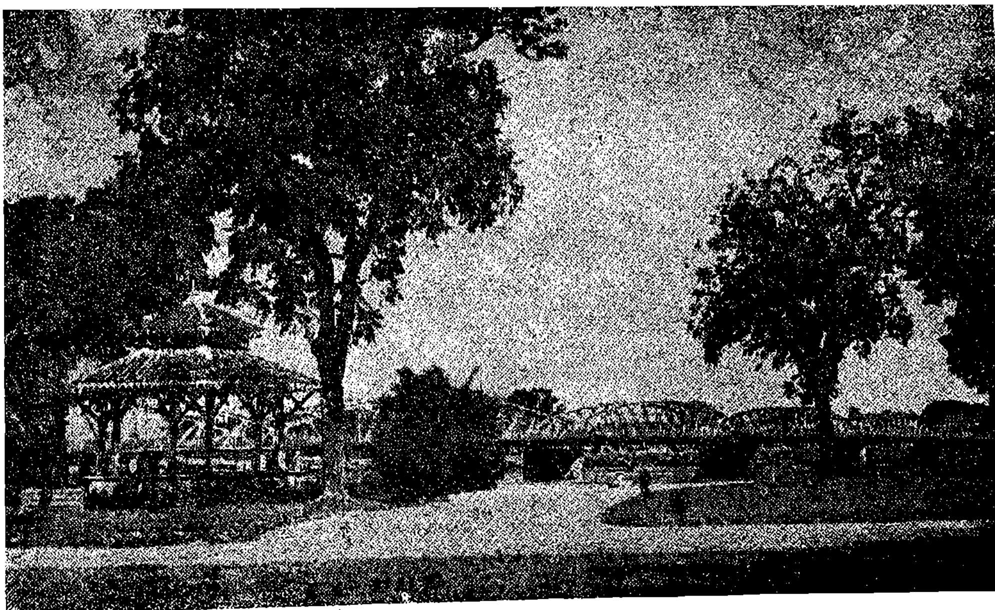


11 — Bia đá có khắc bài thơ của vua Thiệu-Trị ca-tụng Sông Hương.

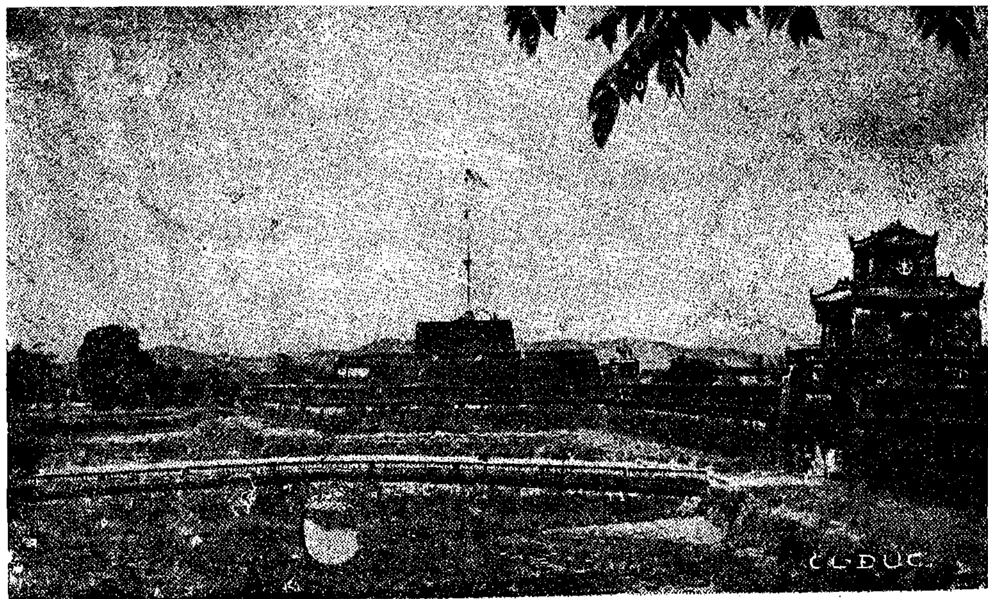


12 — Đài Chiến-sĩ trận-vong.





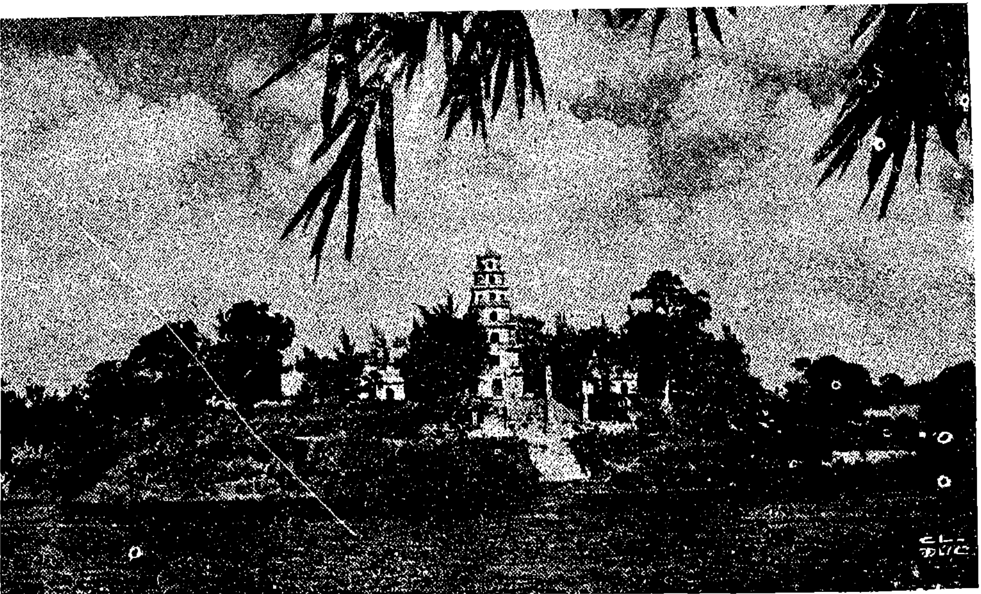
14 — Công Viên Lê-Thái-Tổ
Nhà lục-giác để dành
cho ban nhạc hợp-tấu Đông-Tây kim-cổ



15.— Kinh Thành

Thành-quách ấy và giang sơn ấy :
Đâu chẳng là tuyết nguyệt phong hoa.

(Chu-Mạnh-Trinh)

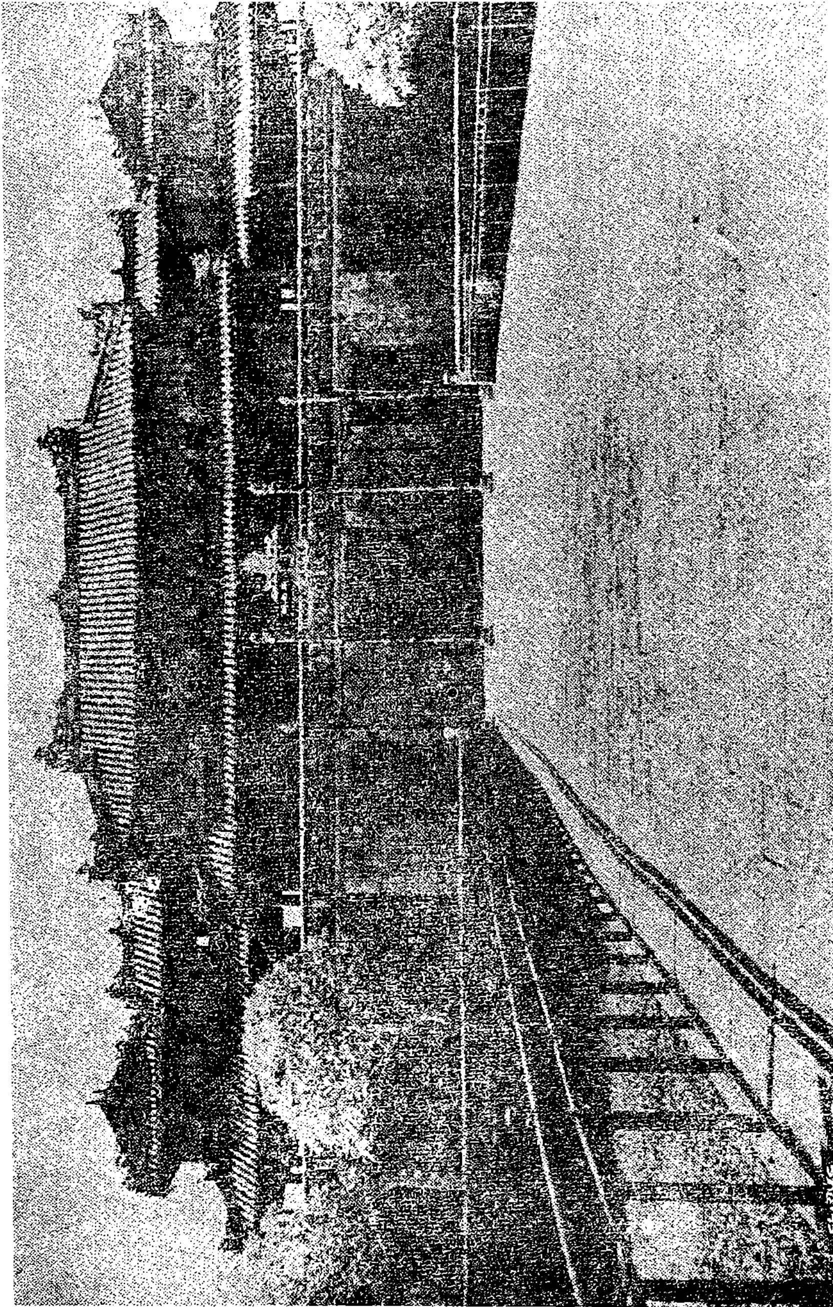


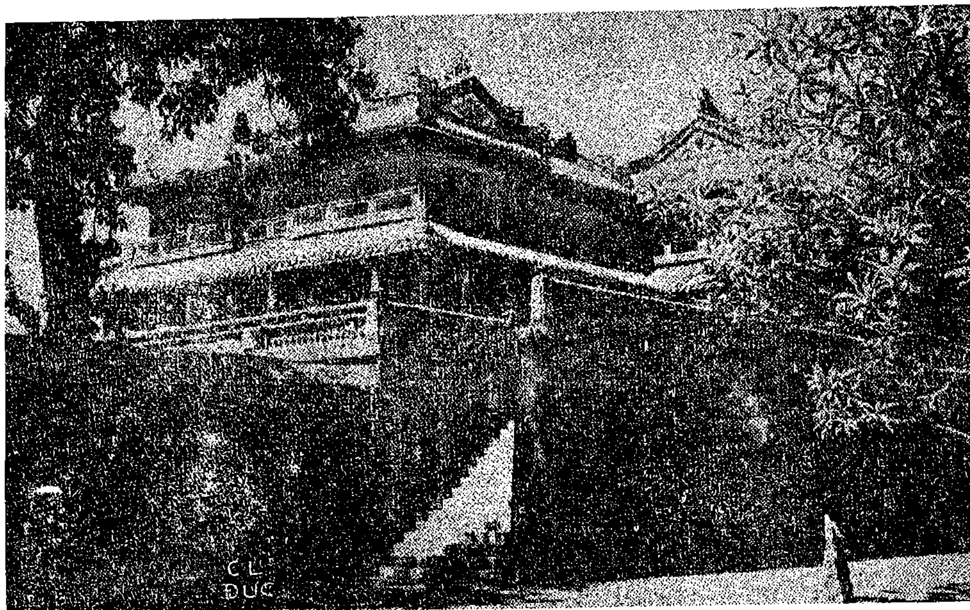
16.— Chùa Thiên-Mụ

Gió đưa cành trúc la-đà,
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Cương.

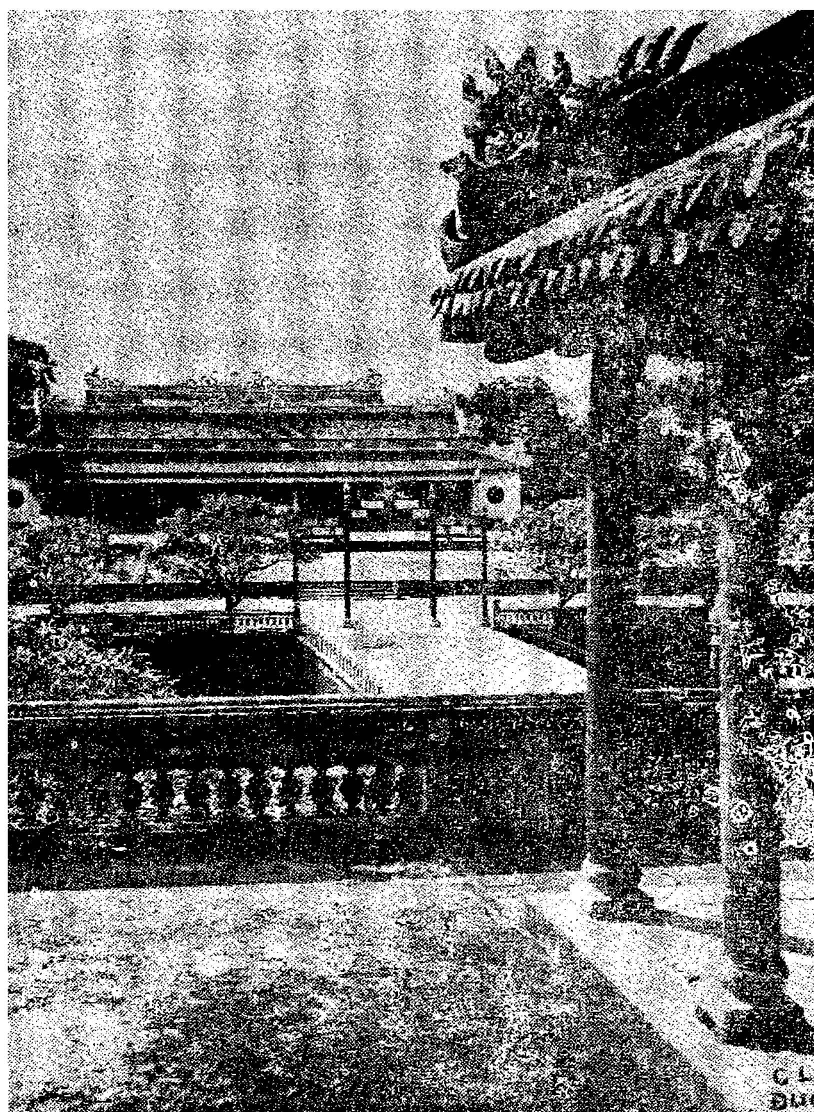


17 — Chùa Thiên-Mụ — Tháp Phước-Duyên





19 — Ngọ-Môn (bên trong)



20 — Điện Thái-Hòa nhìn từ Ngọ-Môn



21 — Hiển-Lâm-các ở trước Thế-Miếu



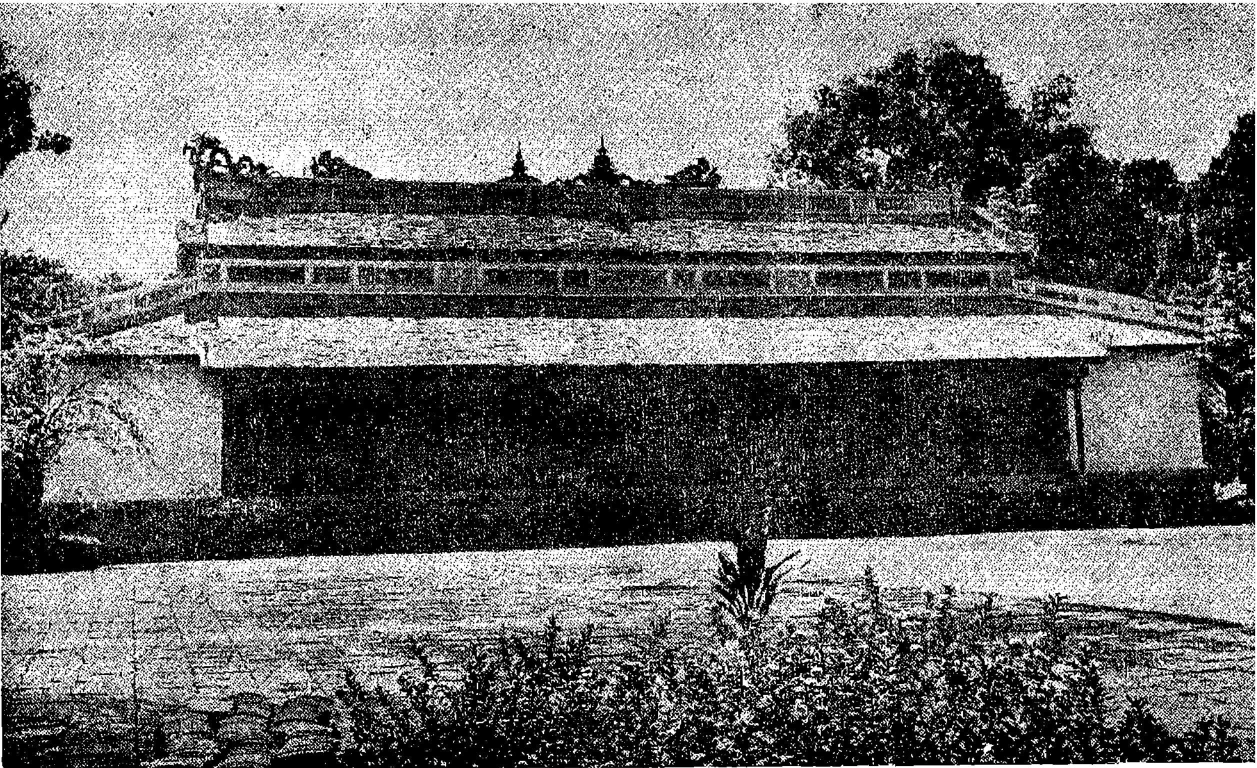
22 — Cổ-tùng Thế-Miếu



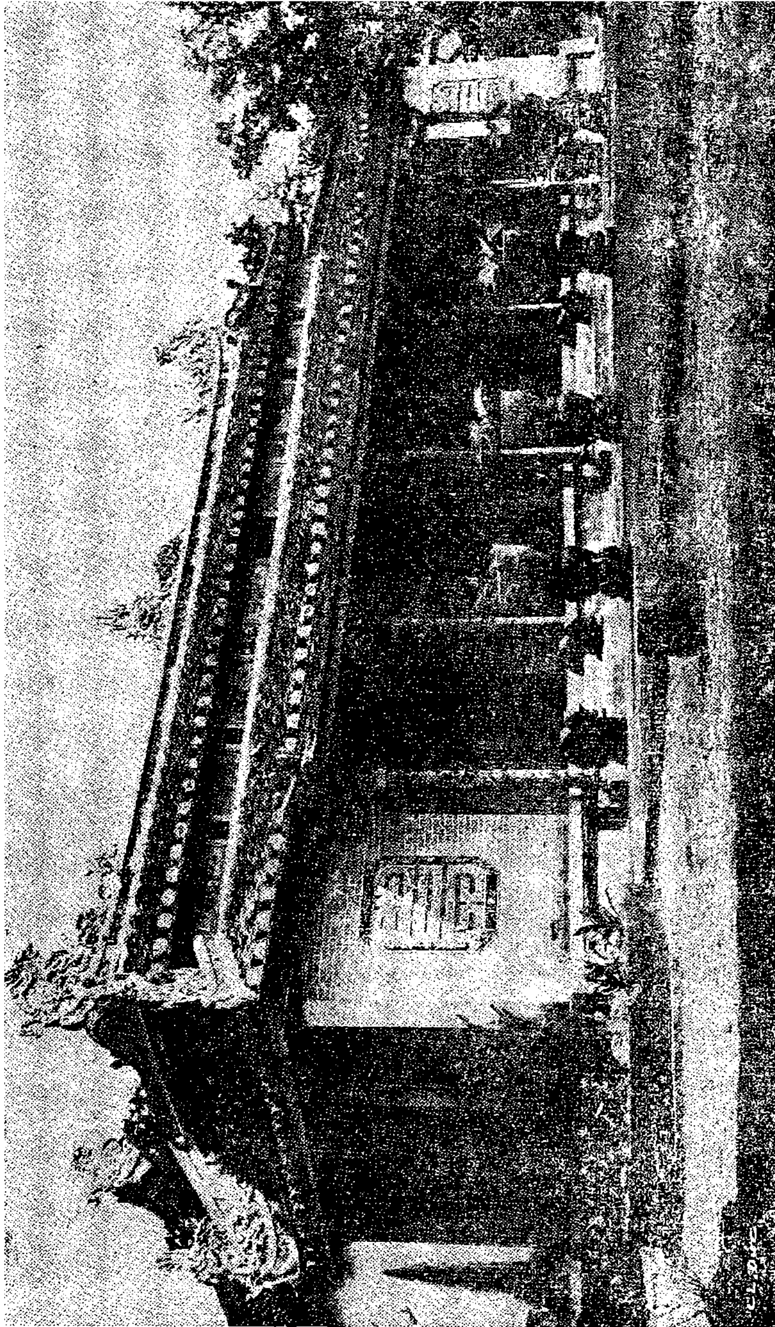
23. — « Cửu-Đỉnh » trưng bày trước thế-miếu.

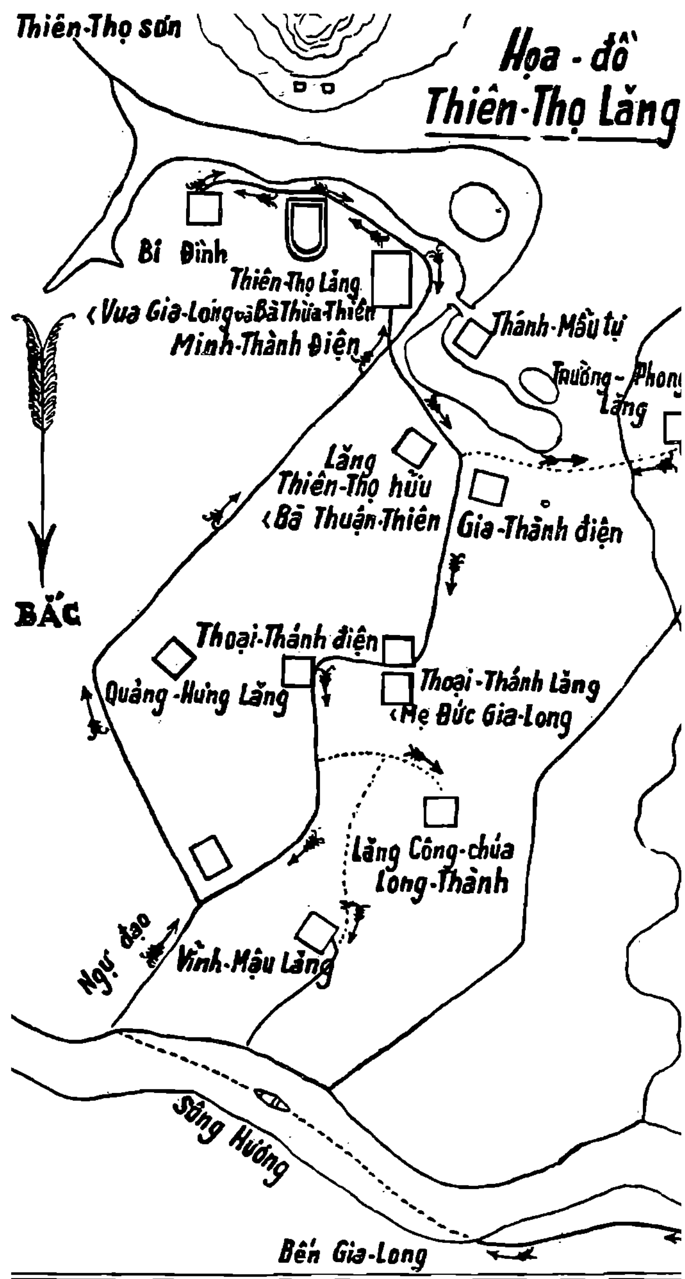


24.— « Cửu-Đỉnh » nhìn từ gác Hiển-Lâm.

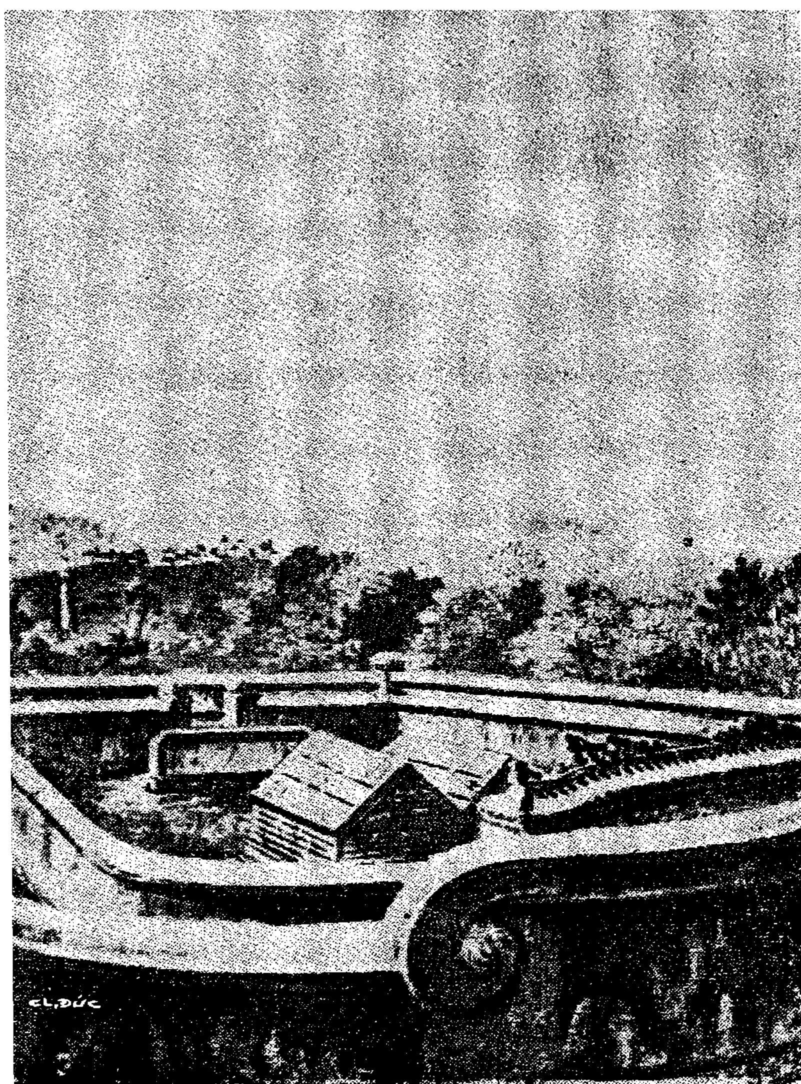


25 — Thái-Miếu thờ các chúa Nguyễn

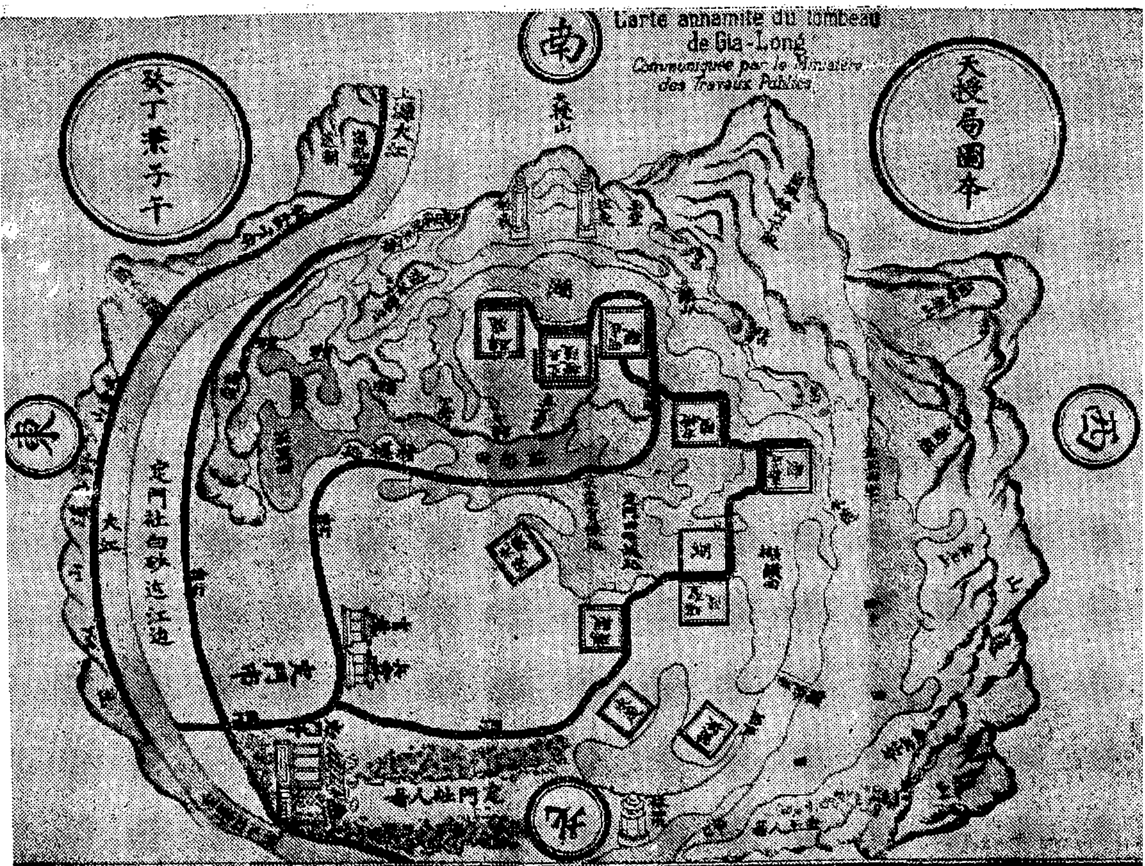




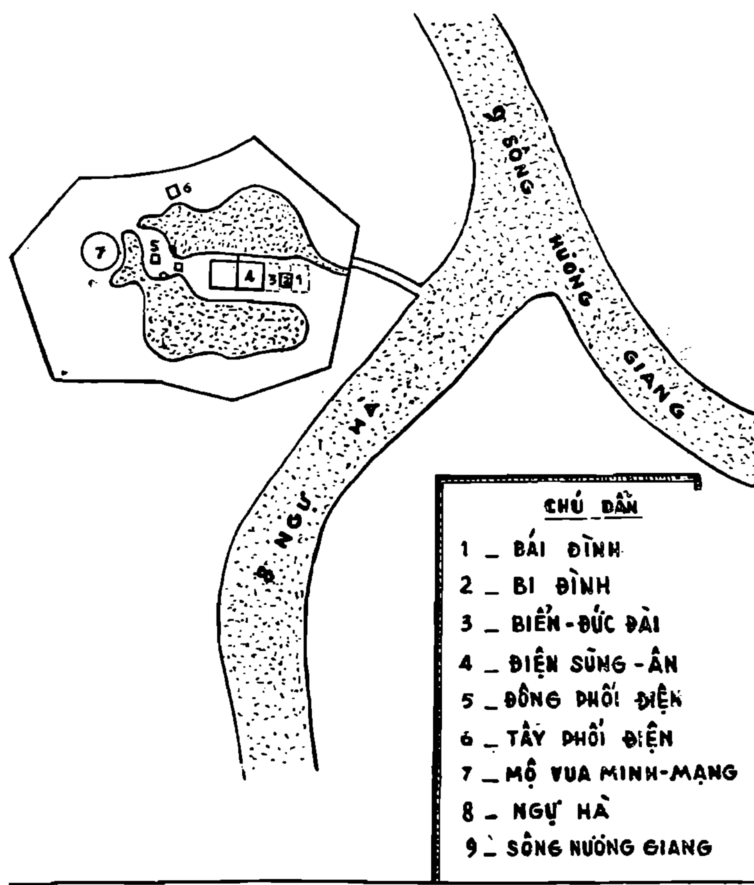
27.— Họa-đồ Thiên-Thọ Lăng



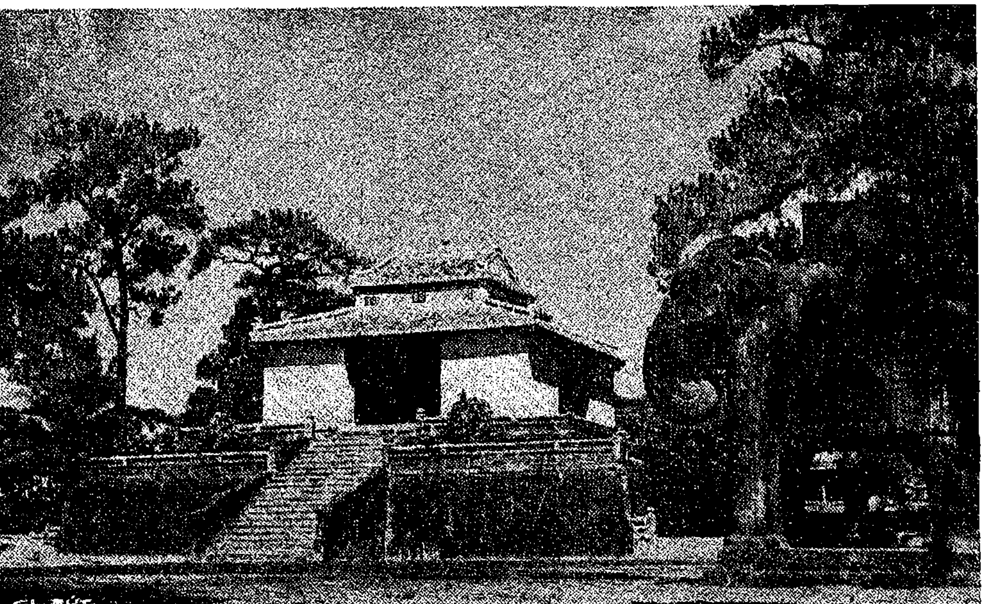
28. — Lăng vua Gia-Long (Thiên-Thọ-Lăng)
và bà Thừa-Thiên Cao-Hoàng-Hậu


Carte annamite du tombeau
de Gia-Long
Communiquée par le Ministère
des Travaux Publics
南
北
東
西
天授局圖本

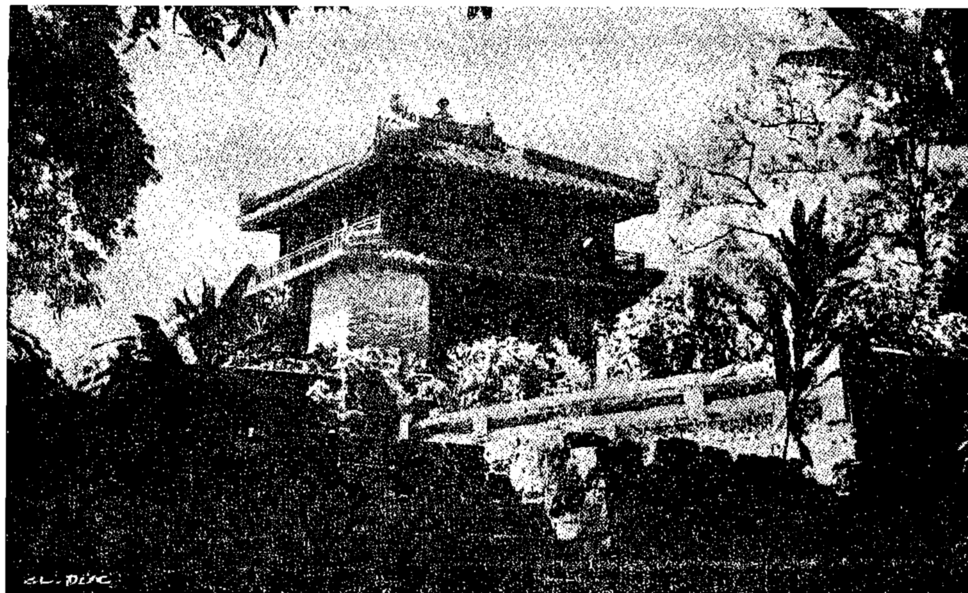
HỌA ĐỒ HIẾU - LĂNG



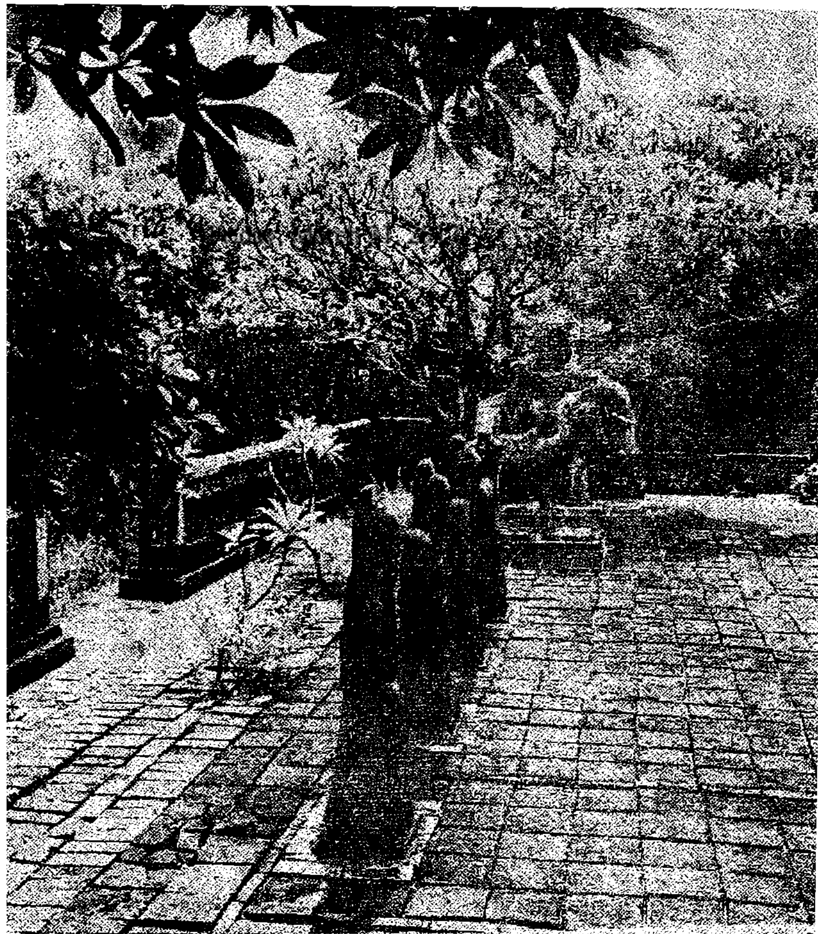
30.— Họa-đồ Hiếu-Lăng



31 — Lăng vua Minh-Mạng (Hiếu-Lăng) : Bi-đình



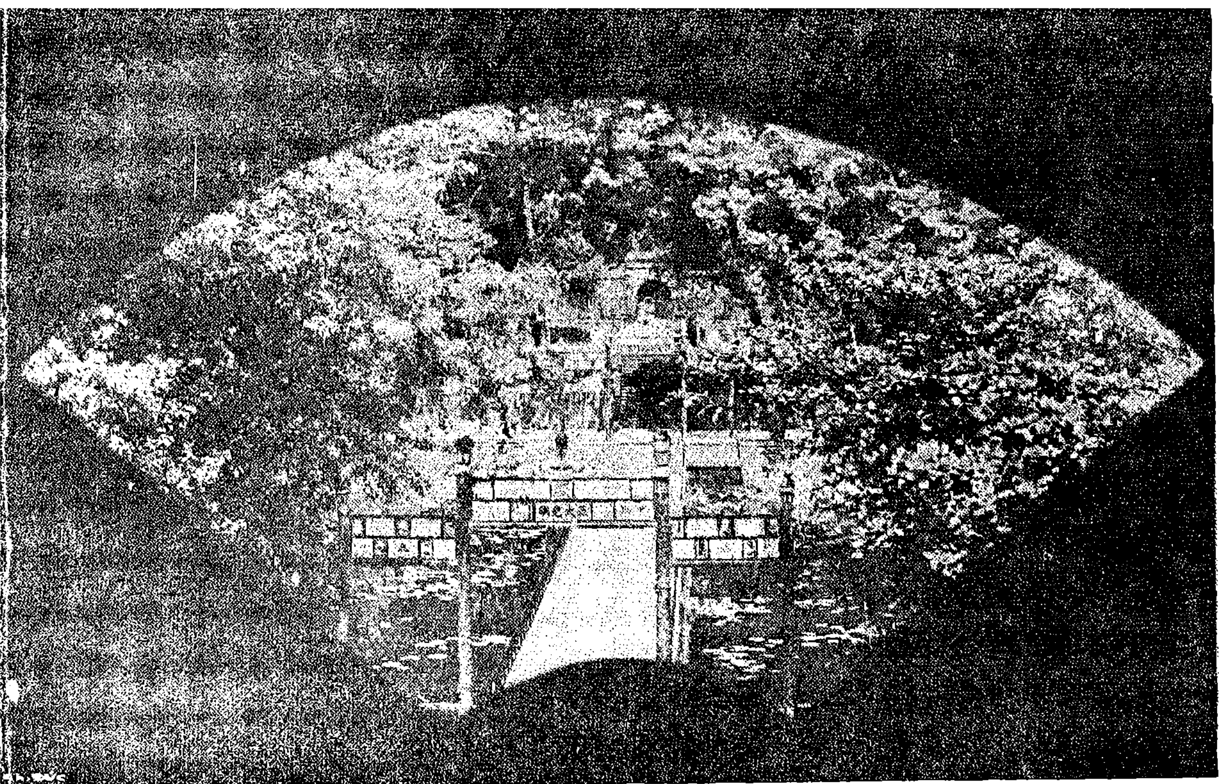
32 — Lăng vua Minh-Mạng (Hiếu-Lăng) : Minh-lâu



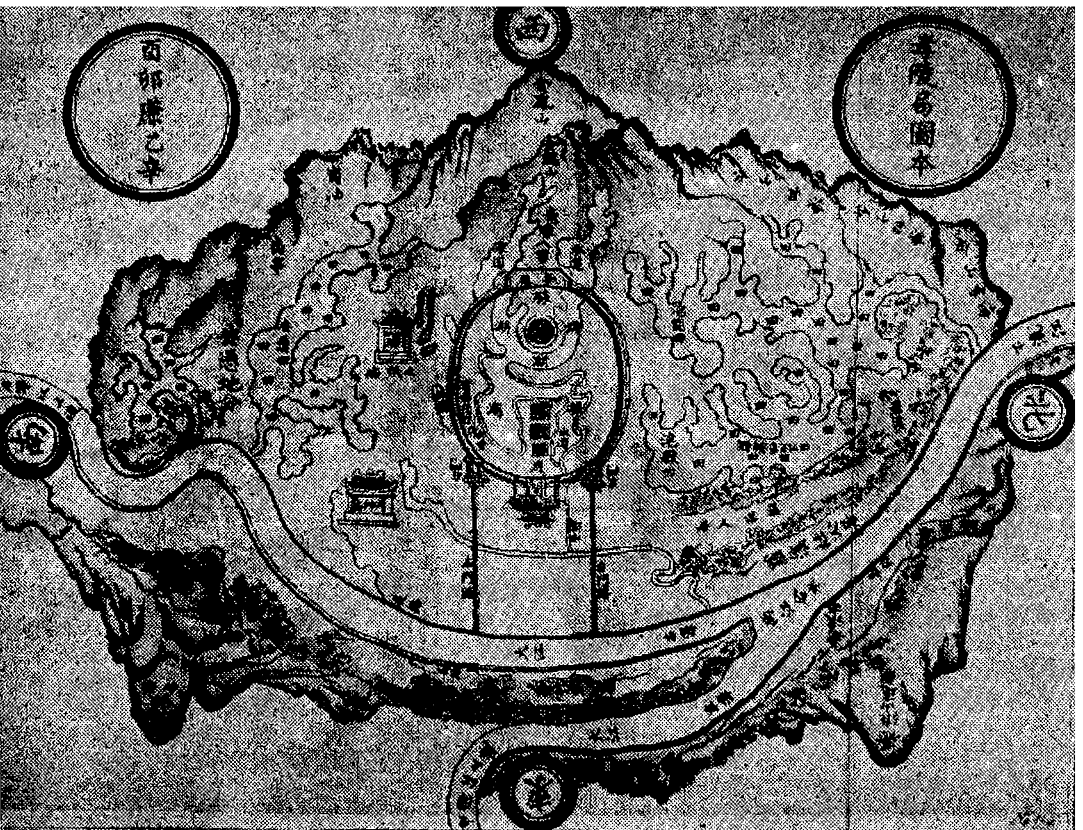
3 — Lăng Minh-Mạng — Hình đá các vị thần chầu ở bái-đìn



34 – Lăng Minh-Mạng – Hồ Tân-Nguyệt

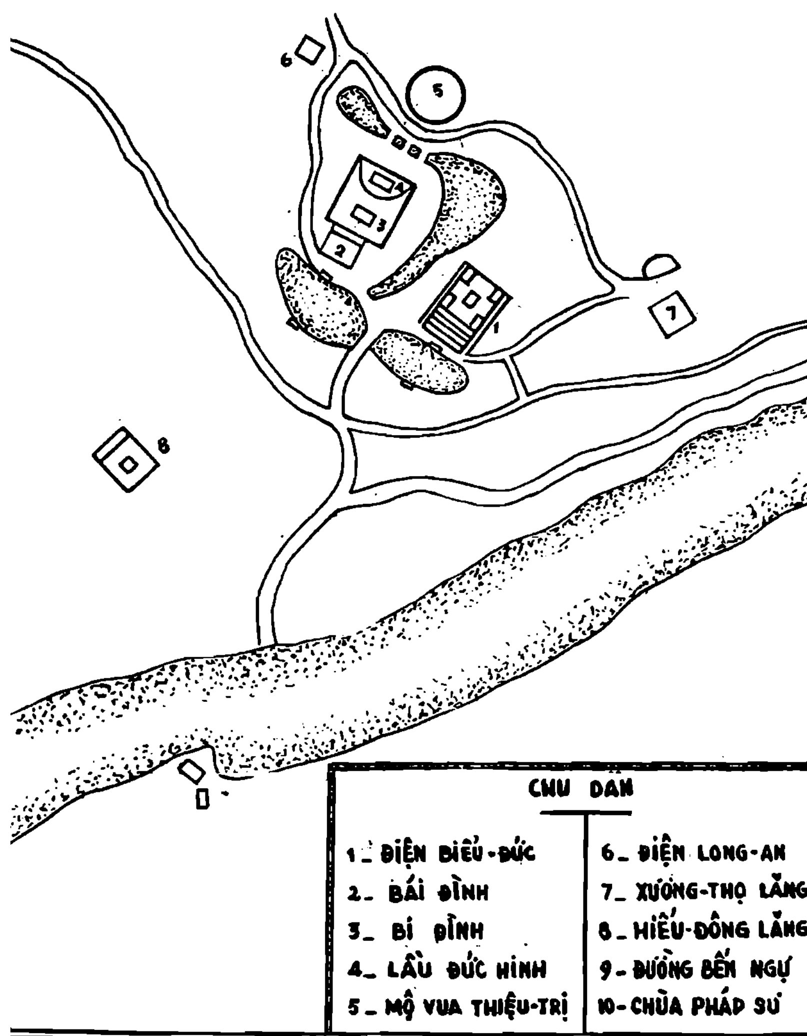


35 — Lăng Minh-Mạng — Cửa « Chính-Đại Quang-Minh »

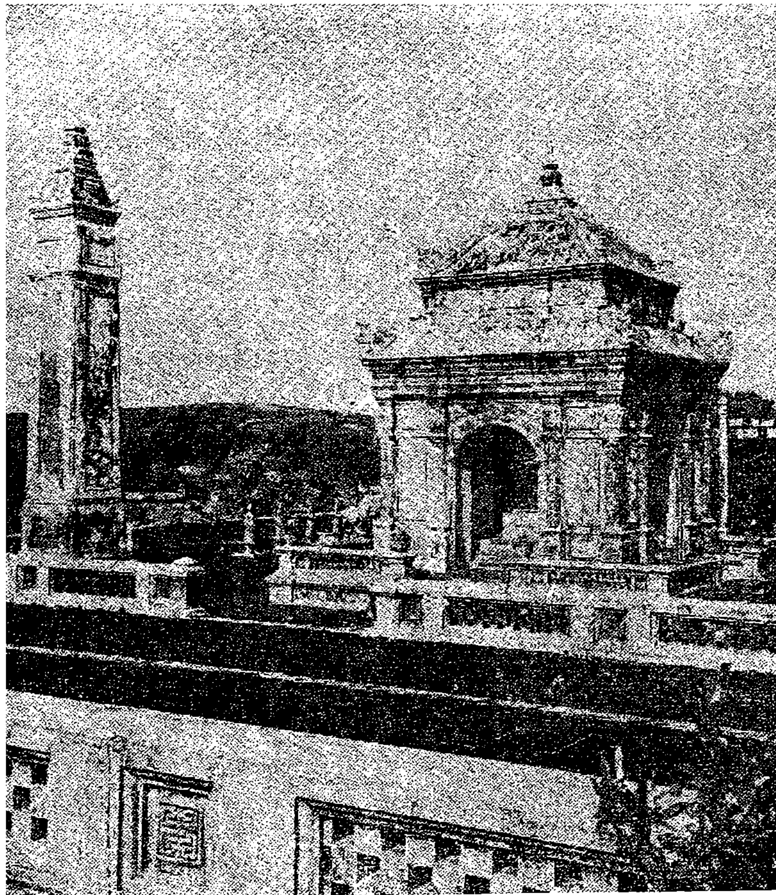


36 — Họa-đồ xưa của lăng Minh-Mạng

HỌA-ĐỒ XƯƠNG-LĂNG

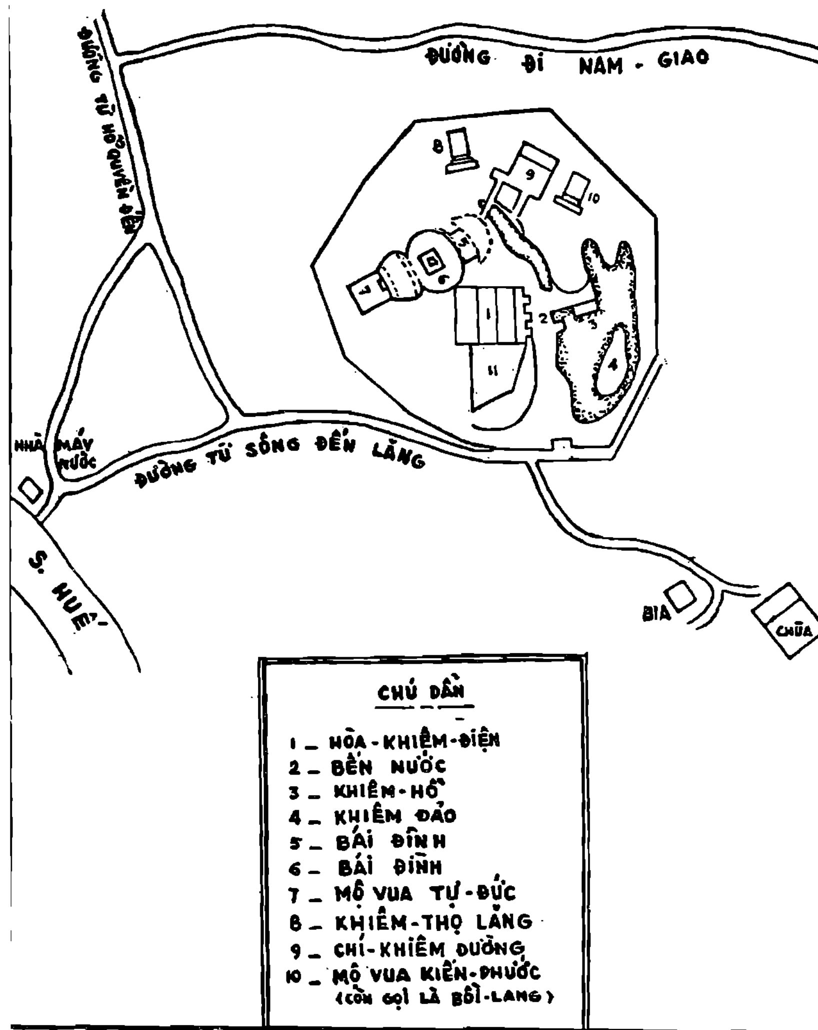


37.— Họa-đồ Xương-Lăng



38 — Lăng vua Thiệu-Trị (Xương-Lăng)

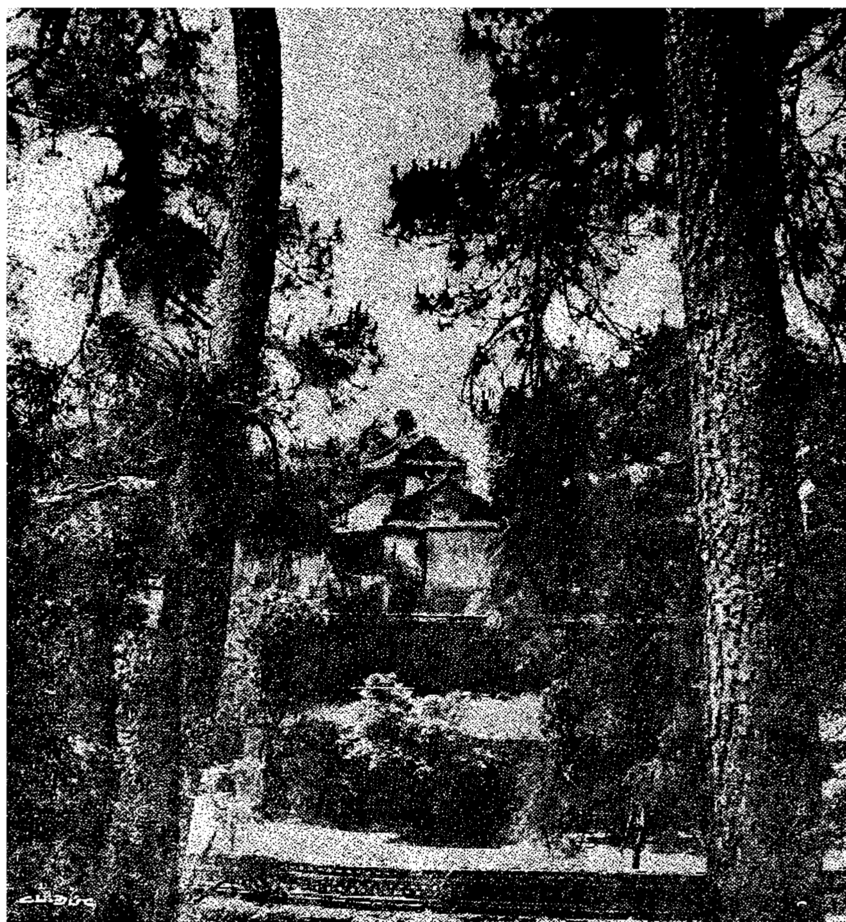
HỌA-ĐỒ KHIÊM - LĂNG



39.— Họa-đồ Khiêm-Lăng

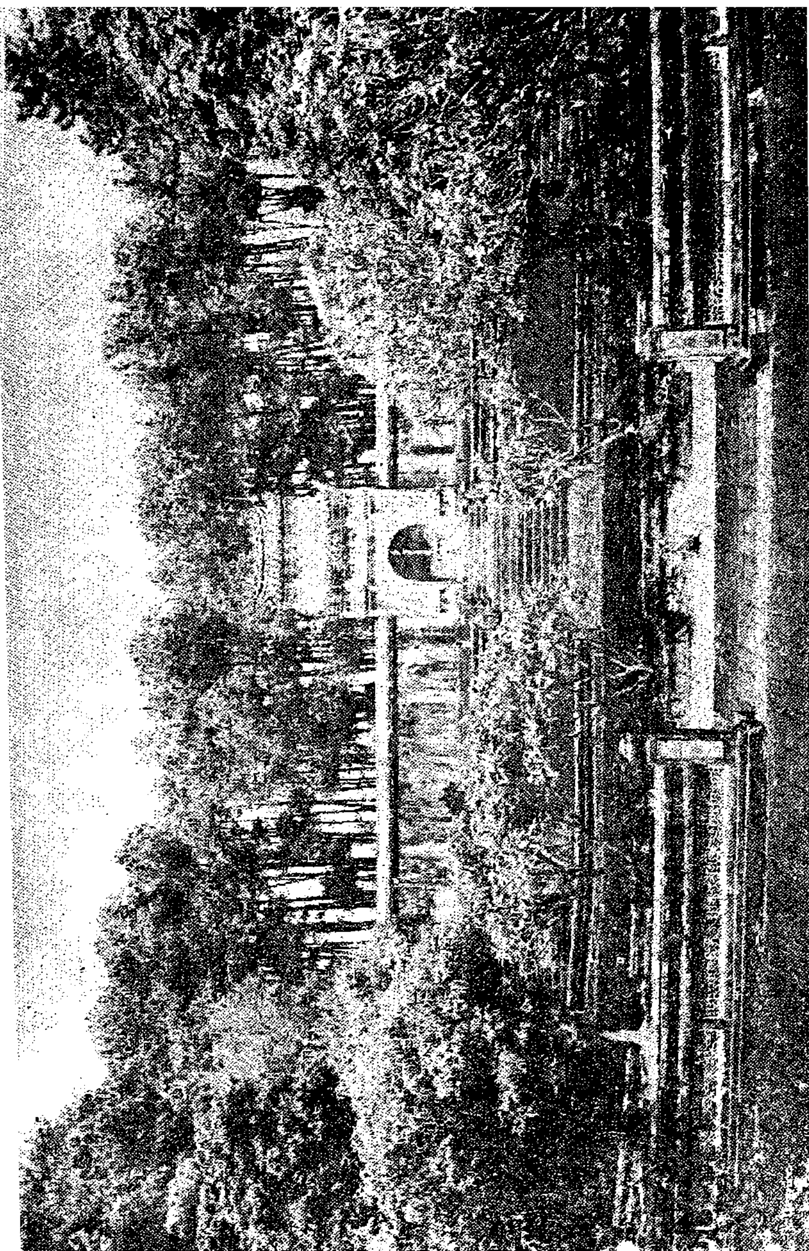


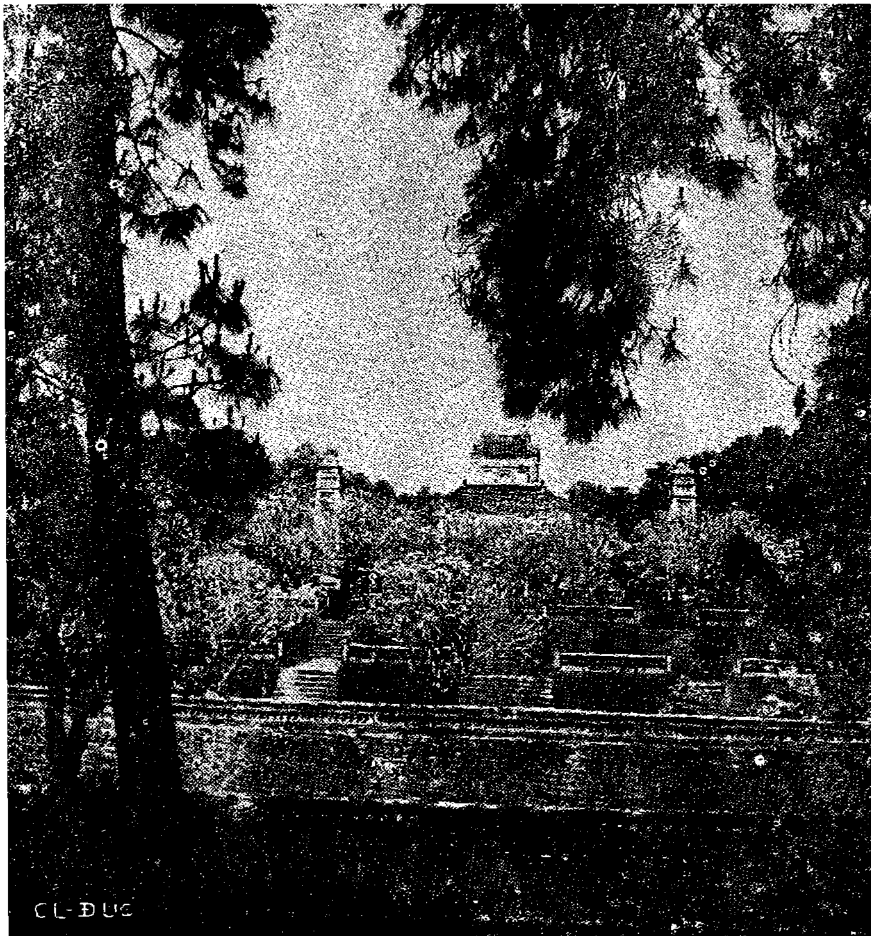
40 — Lăng vua Tự-Đức (Khiêm-Lăng) — Hồ Ngừng-Thúy



41 — Khiêm-Lăng

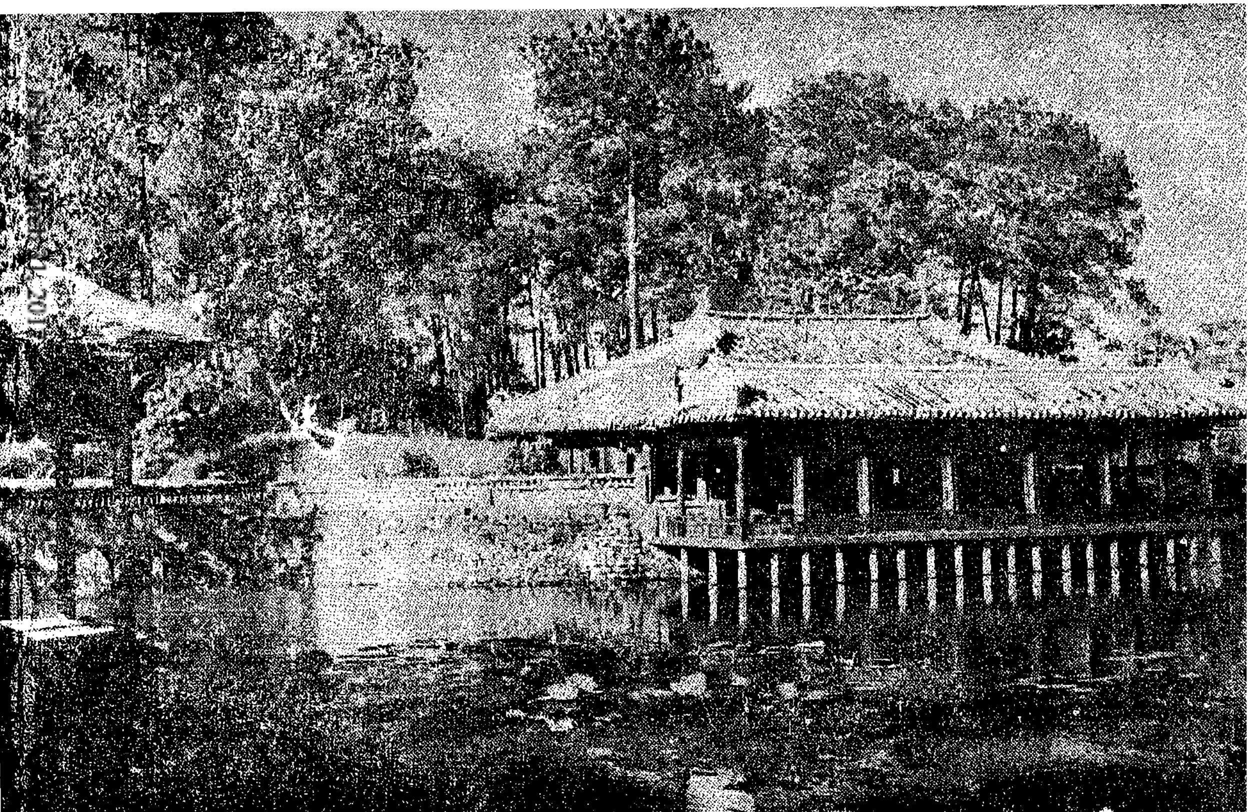
Tư bề núi phủ mây phong,
Mảnh trăng thiên-cổ, bóng tùng vạn-niên.





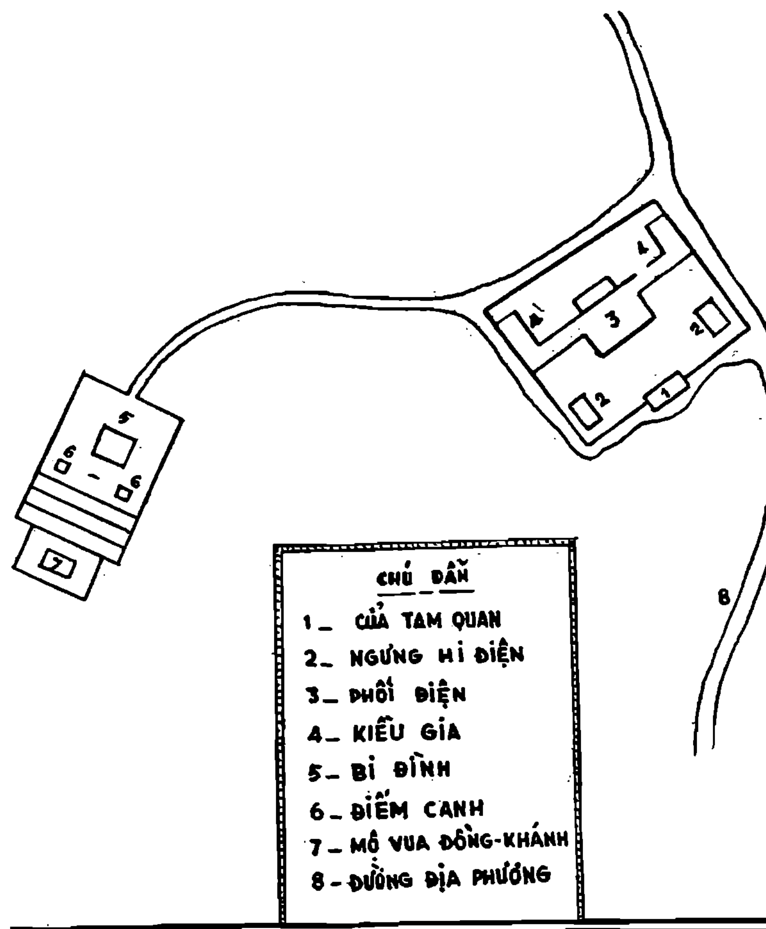
43.— Khiêm-Lăng

(Bi-đình và hai trụ hoa-biểu).

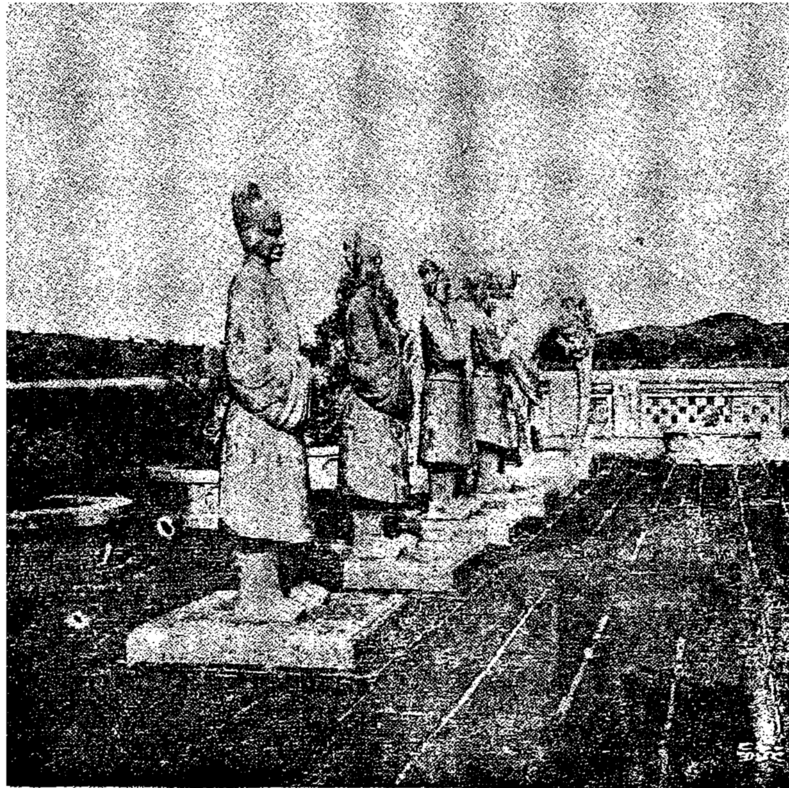


44 — Lăng Tự-Đức — Nhà thủy-tạ trên Khiêm-hồ

HỌA-ĐỒ TƯ-LĂNG

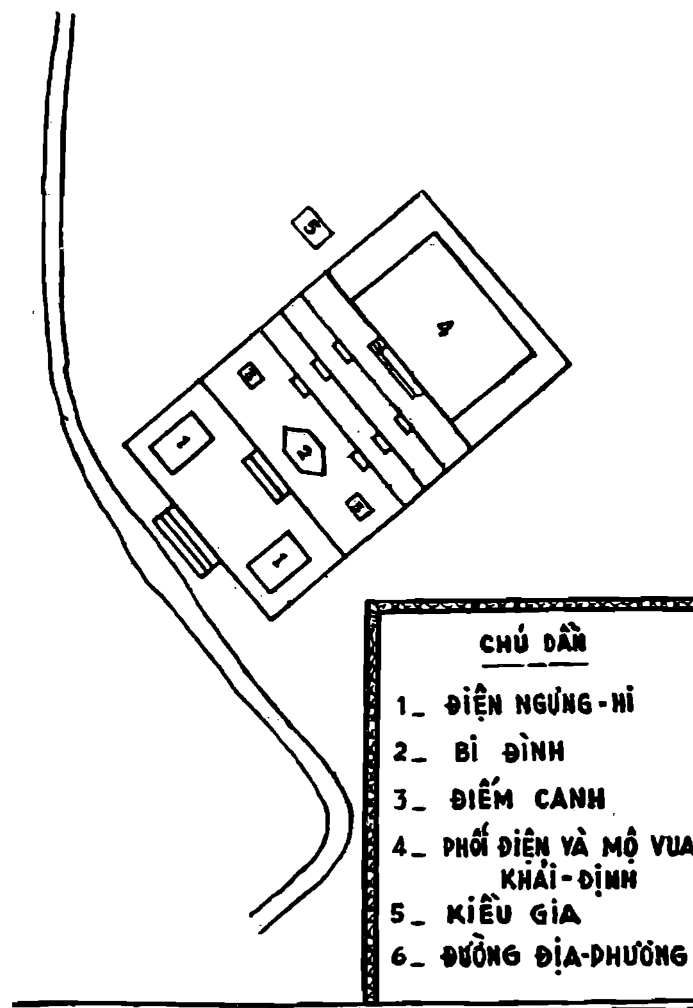


45.— Họa-đồ Tư-Lăng

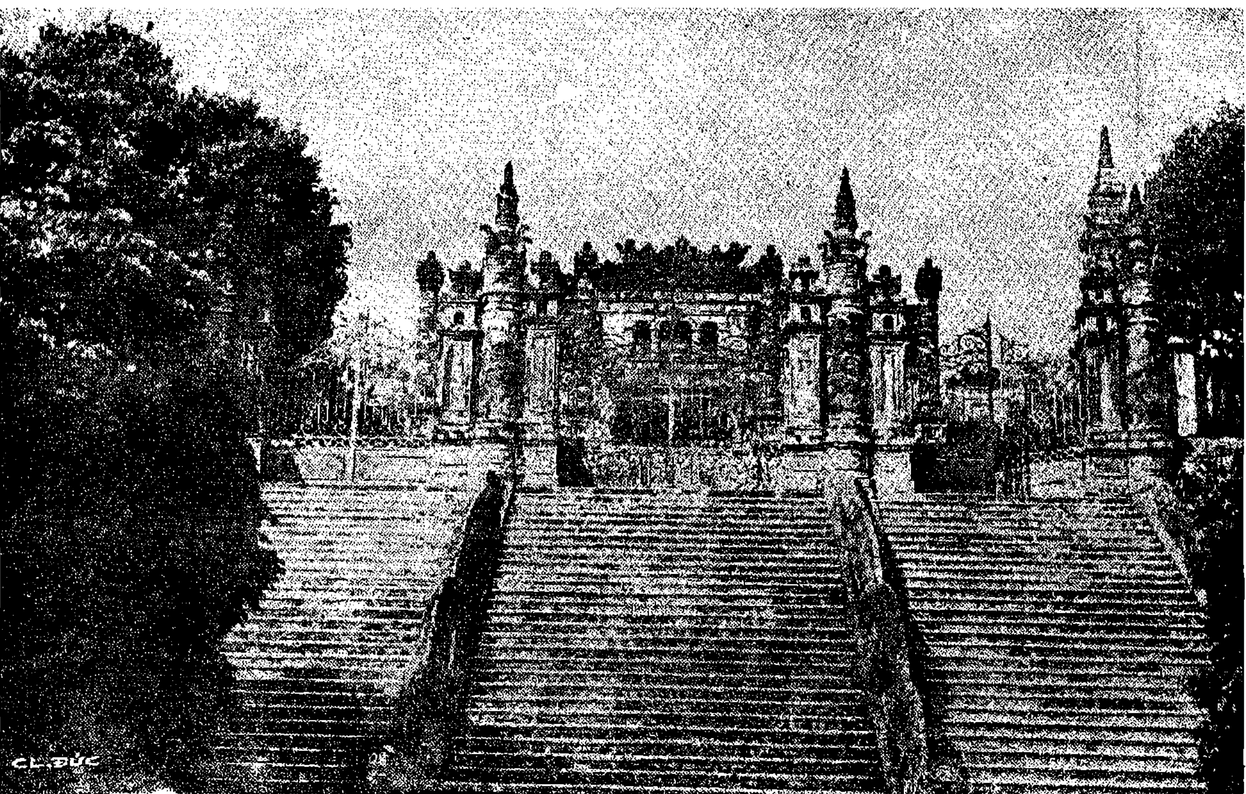


46 — Lăng Đồng-Khánh (Tư-Lăng)
Hình đá các quan văn võ chầu ở bái-đình

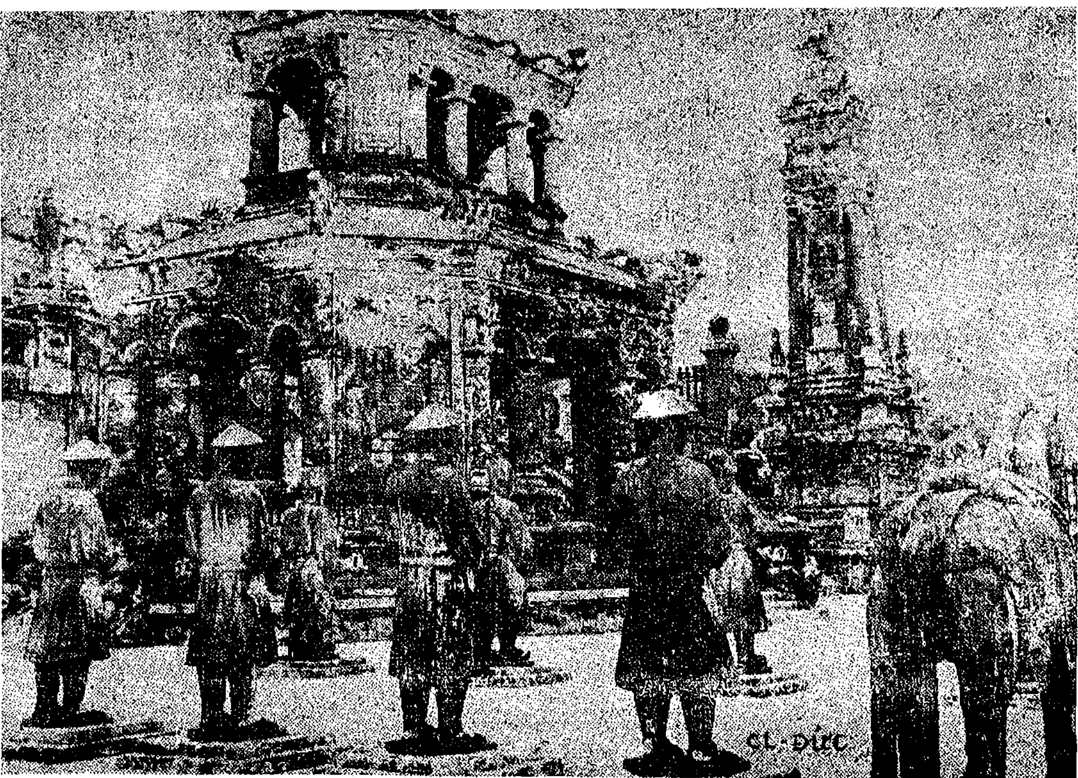
HỌA-ĐỒ ỨNG-LĂNG



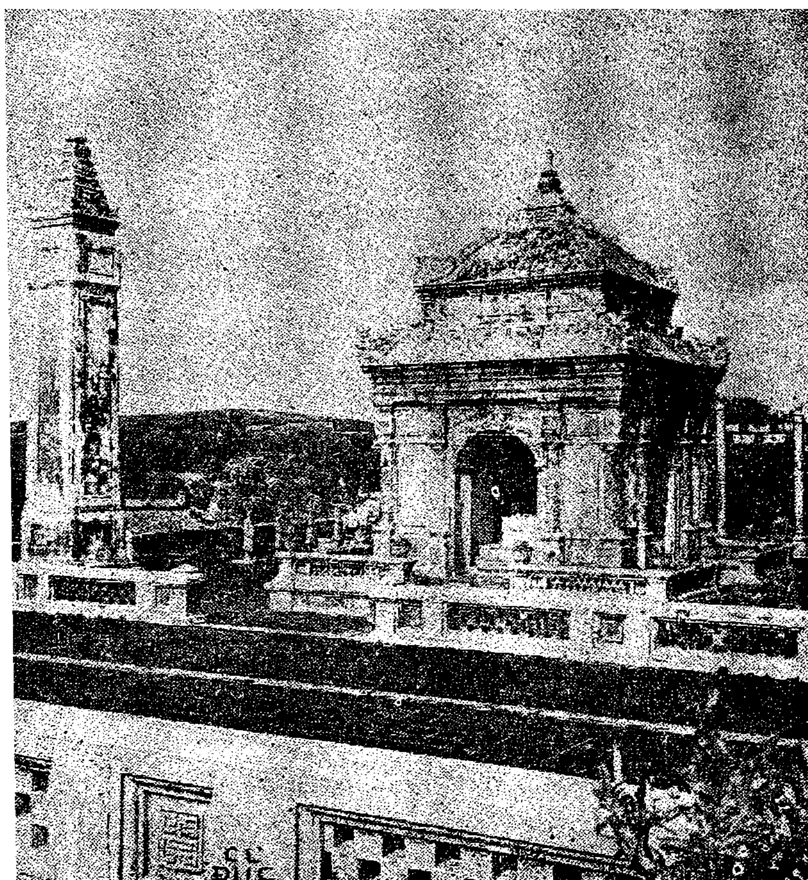
47.— Họa-đồ Ứng-Lăng



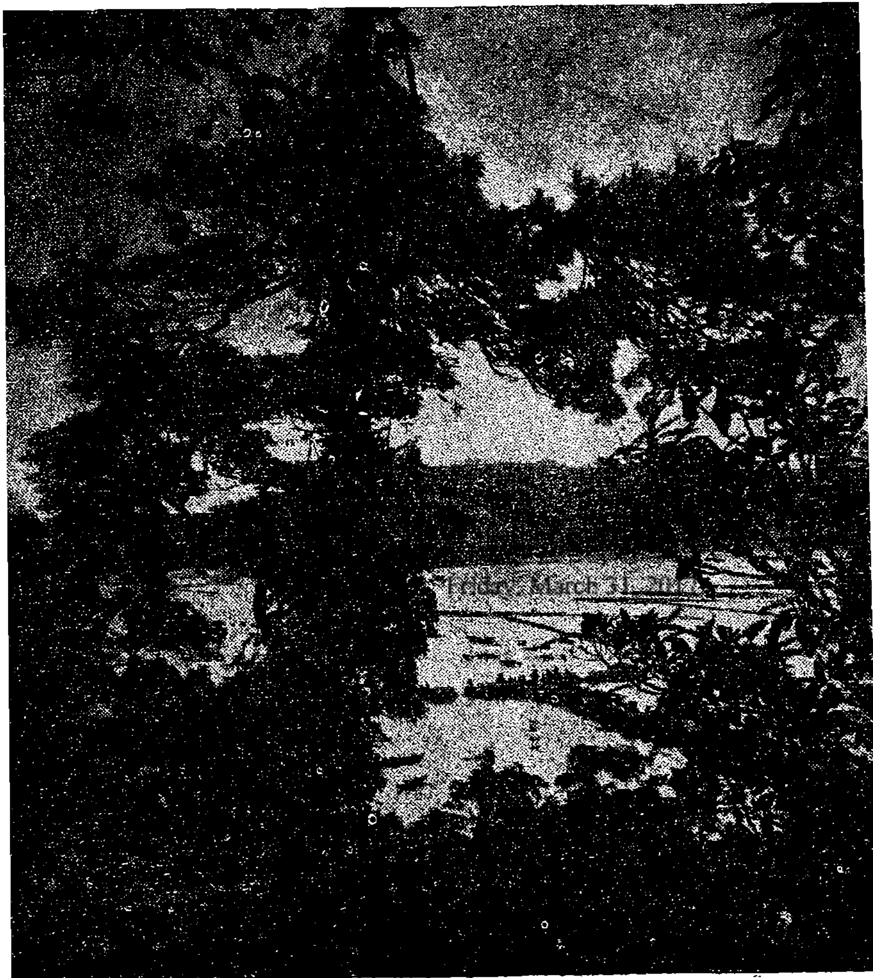
48 — Lăng Khải-Định (Ứng-Lăng) — Mặt tiền



49 — Lăng Khải-Định — Bái-đình, biểu-trụ và hình đá các quan văn võ



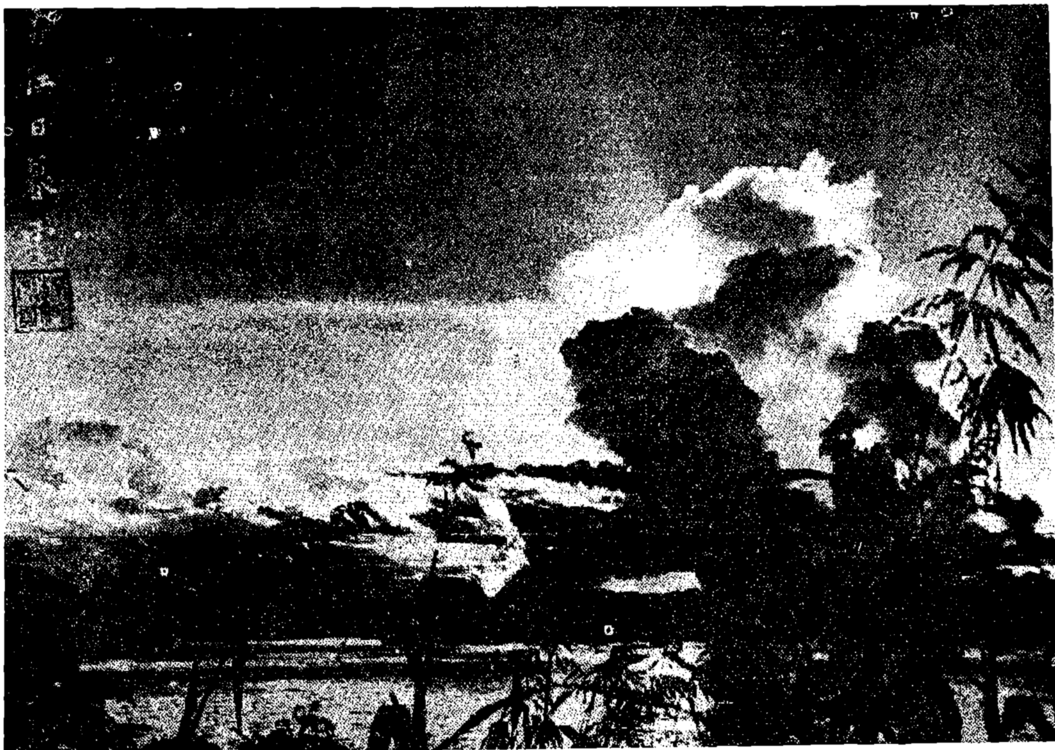
50 — Lăng Khải-Định
Bi-đình và biểu-trụ



51 — Túy-Vân-sơn

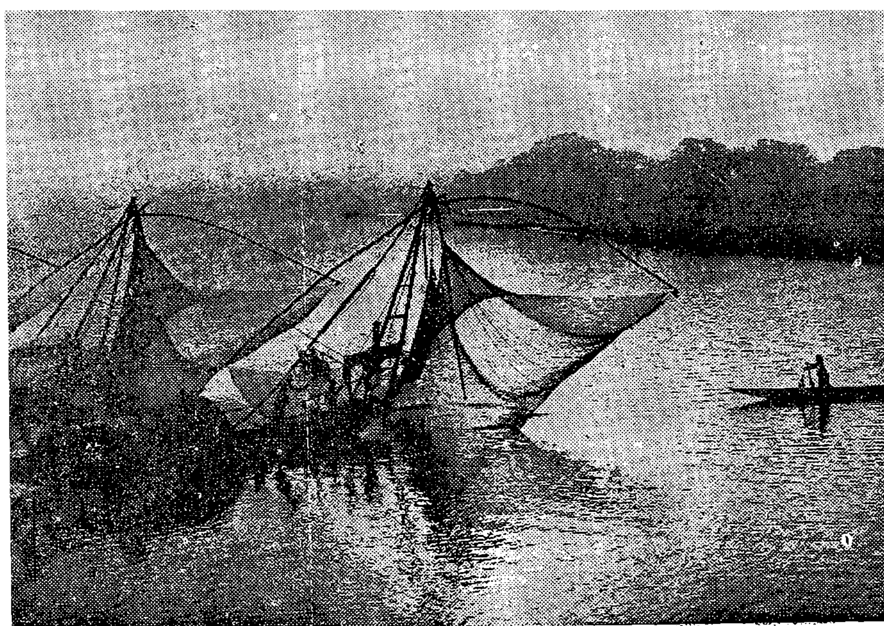
52 - Huế buổi chiều tà

Huế : Cố-đô thơ mộng muôn đời của đất nước Việt-Nam



Mây xám xây thành trên núi bạc, Nhạc mềm lơ-lửng giữa sông êm,
Trăng mơ mơ ngủ lim-dim gật, Eo-lả nằm trên ngọn trúc mềm.

THÚC-TỀ



53 — Kéo vó trên sông Hương

BẢNG TỔNG-KÊ

NHỮNG TRANH ẢNH CỔ-ĐÔ HUẾ
IN TRONG SÁCH NÀY

15.— Kinh Thành :

Thành-quách ấy và giang-sơn ấy, Đâu chẳng là tuyết nguyệt phong hoa (Chu-Mạnh-Trinh).

16.— Chùa Thiên-Mụ và cành trúc :

Gió đưa cành trúc la đà, Tiếng chuông Thiên-Mụ, canh gà Thọ Cương.

17.— Chùa Thiên-Mụ và Tháp Phước-Duyên

18.— Cầu vào điện Thái-Hòa :

Ngọ-Môn năm cửa chín lầu,
Chỗ tiên-vương tạo-lập để công-hầu vào ra.

19.— Ngọ-Môn bên trong.
20. – Điện Thái-Hòa nhìn từ Ngọ-Môn
21.— Hiển-lâm-các ở trước Thế-miếu.
22.— Cồ-tùng Thế-miếu
23.— Cửu-đỉnh trưng bày trước Thế-miếu
24.— Cửu-đỉnh nhìn từ gác Hiển-lâm
25.— Thế-miếu thờ các chúa Nguyễn
26.— Đền Phụng-Tiên
27.— Họa-đồ Thiên-Thọ-Lăng
28.— Lăng vua Gia-long (Thiên-Thọ-Lăng) và Bà Thừa-Thiên Cao-Hoàng-Hậu.
29.— Họa-đồ xưa của lăng Gia-Long
30. – Họa-đồ Hiếu-Lăng
31.— Lăng vua Minh-Mạng (Hiếu-lăng) : Bi-đình
32.— Lăng vua Minh-Mạng (Hiếu-lăng) : Minh-lâu
33.— Lăng Minh-Mạng : Hình đá các vị thần châu ở bái-đình.
34.— Lăng Minh-Mạng : Hồ Tân-Nguyệt.
35.— Lăng Minh-Mạng : Cửa « Chính-đại quang-minh ».
36.— Họa-đồ xưa của lăng Minh-Mạng
37.— Họa-đồ Xương-lăng
38.— Lăng vua Thiệu-Trị (Xương-lăng)
39.— Họa-đồ Khiêm-lăng.
40.— Lăng vua Tự-Đức (Khiêm-lăng) : Hồ Ngưng-Thúy
41.— Khiêm-lăng

Tư bề núi phủ mây phong,
Mảnh trăng thiên-cổ, bóng tùng Vạn-niên

42.— Khiêm-lăng : Bảo-Thành

43.— Khiêm-lăng : Bi-đình và hai trụ hoa-biểu

44.— Lăng Tự-Đức : Nhà Thủy-tạ trên Khiêm-hồ

45.— Họa-đồ Tư-lăng

46.— Lăng Đồng-Khánh (Tư-lăng)
Hình đá các quan văn võ ở bái-đình

47.— Họa-đồ Ứng-lăng

48.— Lăng Khải-Định (Ứng-lăng) : Mặt trên

49.— Lăng Khải-Định : Bái-đình, biểu-trụ và hình đá các quan văn võ

50.— Lăng Khải-Định : Bi-Đình và biểu-trụ

51.— Túy-Vân-Sơn

52.— Huế buổi chiều tà
Huế, cố-đô thơ mộng muôn đời của đất nước Việt-Nam

53.— Kéo vó trên sông Hương



CỔ-ĐÔ HUẾ

Do sự-vụ-lệnh số 955-GD/SVL ngày 30-8-1960 của Ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục, một Uỷ-Ban gồm những vị sau đây được thành-lập để khảo-duyệt quyển « **CỔ-ĐÔ HUẾ** » do Ô. Thái-Văn-Kiểm biên-soạn :

Ô. NGUYỄN-KHẮC-KHAM

Giám-Đốc Nha Văn-Hóa. — Chủ-tịch

Ô. BỬU-CẦM

Chuyên-viên Hán-học Viện Khảo-Cổ
Giảng-sư Đại-học Văn-Khoa . — Hội-viên

Ô. PHẠM-VĂN-DIÊU

Giáo-sư, văn-sĩ Tổng-Nha Kiến-Thiết. — Thuyết-trình-viên

Ô. LÊ-TRỌNG-ĐÀM

Chuyên-viên Hán-học Nha Văn-Hóa. — Thư-ký

Do công-văn số 6625-GD/NCGK ngày 9-12-1960, Ô. Đổng-lý Văn-Phòng Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã chấp-thuận cho Nha Văn-Hóa xuất-bản trong tập-san « Văn-hóa Tùng-thư » quyển

CỔ-ĐÔ HUẾ

CỐ-ĐÔ HUẾ

Lịch-Sử — Cổ-Tích
Thắng-cảnh — Thi-ca

---

của Việt-Điểu Thái-Văn-Kiểm

do ấn-quán Bình-Minh, 148-i, Đường Yên-Đỗ, Sài-gòn, in xong ngày 31-12-1960, tổng-số 2.000 cuốn (1950 cuốn giấy thường, 50 cuốn giấy tốt).

Nhìn lại quãng đường dài đã đi, soạn-giả xin ngỏ lời chân-thành cảm-tạ :

— *Các văn-gia, thi-sĩ, nữ-sĩ :* Ưng-Bình Thúc-Giạ, Thảo-Am Nguyễn Khoa-Vi, Tương-Phố, Cao-Thị-Ngọc-Anh, Đông-Viên Phạm-huy-Toại, Đông-Hồ Lâm-Tấn-Phác, Á-Nam Trần-Tuấn-Khải, Vũ-Hoàng-Chương, Đinh-Hùng, Quách-Tấn, Lệ-Chi Nguyễn-Vỹ, Hoài-Quang Bùi-Đình-San, Hỷ-Thần Nguyễn-Hy.

— *Các học-giả, giáo-sư và kỹ-thuật-gia* Ưng-Trình, Tùng-Lâm, Phan-Văn-Dật, Bửu-Cầm, Bửu-Kế, Hồ-Tánh, Ưng-Hội, Tôn-Thất-Cảnh, Song-An Thái-Thúc-Diễn.

— *Các nghệ-sĩ* : Mai-Lân, Ngọc-Tùng, Nguyễn-Khoa-Lợi, Bửu-Lộc, Hoàng-Đại-Sầm, Nguyễn-Văn-Ninh, Đào-Thanh-Ban.

— *Các sở Thông-Tin và Du-lịch Việt-Nam, Hoa-Kỳ, Anh, Pháp.* đã giúp nhiều tài-liệu, tranh ảnh và khuyến-khích tác-giả trong việc biên-soạn và ấn-hành tác-phẩm

CỐ-ĐÔ HUẾ

MỤC-LỤC

CỐ-ĐÔ HUẾ

TẬP THƯỢNG



IV — HOÀNG-THÀNH

Miếu-Điện trong Hoàng-Thành



V — TỬ CẤM-THÀNH



VI — NHỮNG CỔ-TÍCH NGOÀI KINH-THÀNH HUẾ



VII — LĂNG-TẨM



VIII — CẢM-TƯỞNG CHUNG VỀ CÁC LĂNG-TẨM

PHỤ-LỤC



CỐ-ĐÔ HUẾ

TẬP HẠ

THUẬN-HÓA QUA THI-CA KIM-CỔ

7 — Các điệu ca Huế

8 — Các bài văn xuôi



